



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 28/2021**  
Từ 12/7 - 16/7/2021

**TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**  
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

**ĐIỆN THOẠI**  
024.62821016

**EMAIL**  
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

**WEBSITE**  
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

**CHÍNH PHỦ: BAN HÀNH**

**CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**

Ngày 15/7/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào 6 nội dung, đó là: Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

**Cải cách thủ tục hành chính quyết liệt, đồng bộ**

Về cải cách thủ tục hành chính: Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính Nhà nước; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

Đến năm 2030, 100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến. Tối thiểu 90% thủ tục hành chính của các Bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%. Môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu.

**Kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan**

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước: Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp, định rõ việc của cơ quan hành chính Nhà nước; phân định rõ mô hình tổ chức chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính

Nhà nước các cấp theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý Nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Cải cách tài chính công: Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách Nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

#### **Tăng cường kỷ luật đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

Để đạt được những mục tiêu trên, Chương trình đề ra các giải pháp cụ thể: Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện cải cách hành chính từ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội; bố trí đủ nguồn tài chính và nhân lực cho cải cách hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với tạo động lực cải cách trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; thường xuyên đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức...

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: TIẾP TỤC HỖ TRỢ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG ÍCH**

Thủ tướng Chính phủ quyết định tiếp tục thực hiện trong năm 2021 một số nội dung của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 16/7/2018.

Theo đó, một số nội dung được tiếp tục hỗ trợ trong năm 2021 gồm:

1. Hỗ trợ thiết lập đường truyền dẫn cáp quang kết nối từ đất liền đến trung tâm hành chính của các huyện đảo trên cơ sở hạ tầng cáp quang của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Nhiệm vụ 4 thuộc Chương trình thành phần 1 - Kết nối băng rộng.



2. Hỗ trợ truyền dẫn viba số và hỗ trợ truyền dẫn vệ tinh để cung cấp dịch vụ băng rộng cho các huyện đảo tại Nhiệm vụ 6 thuộc Chương trình thành phần 1 - Kết nối băng rộng.

3. Hỗ trợ việc sử dụng miễn giá cước dịch vụ viễn thông khẩn cấp và dịch vụ viễn thông di động hàng hải phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên biển thông qua hệ thống đài thông tin duyên hải tại Nhiệm vụ 1 thuộc Chương trình thành phần 2 - Kết nối khẩn cấp.

4. Hỗ trợ chi phí cung cấp dịch vụ viễn thông phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai tại Nhiệm vụ 2 thuộc Chương trình thành phần 2 - Kết nối khẩn cấp.

5. Hỗ trợ chi phí duy trì hoạt động của các điểm cung cấp dịch vụ truy nhập internet công cộng được thiết lập mới trong giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 và các điểm cung cấp dịch vụ truy nhập internet công cộng đang còn hoạt động thuộc phạm vi Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2010 theo Quyết định số 74/QĐ-TTg ngày 7/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ tại Nhiệm vụ 3 thuộc Chương trình thành phần 3 - Kết nối cộng đồng.

6. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước sử dụng dịch vụ của 1 số thuê bao dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, hoặc 1 số thuê bao dịch vụ thông tin di động mặt đất trả sau theo giá cước dịch vụ viễn thông công ích nếu đã ký hợp đồng sử dụng dịch vụ với doanh nghiệp viễn thông tại Nhiệm vụ 4 thuộc Chương trình thành phần 3 - Kết nối cộng đồng.

7. Hỗ trợ các trường học, bệnh viện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên toàn quốc sử dụng dịch vụ truy nhập internet băng rộng theo giá cước dịch vụ viễn thông công ích tại Nhiệm vụ 2 thuộc Chương trình thành phần 4 - Kết nối công sở.

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ trên được bảo đảm từ nguồn kinh phí của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.

Các nhiệm vụ quy định ở trên được thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

# RÀ SOÁT, KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT GÂY VƯỚNG MẮC TRONG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

Ngày 10/07/2021, Văn phòng Chính phủ ban hành Văn bản số 4609/VPCP-PL truyền đạt ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc yêu cầu đồng chí Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện rà soát ngay các vướng mắc trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, đất đai, quy hoạch, quản lý tài sản công, thuế,... khẩn trương đề xuất phương án xử lý, kiến nghị sửa đổi, bổ sung.

Thực hiện chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại phát biểu bế mạc Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 khóa XIII, Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu đồng chí Bí thư tỉnh ủy, thành ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Thực hiện rà soát ngay các vướng mắc trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng, Thông tư) liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, đất đai, quy hoạch, quản lý tài sản công, thuế,... khẩn trương đề xuất phương án xử lý, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định, văn bản quy phạm pháp luật theo hướng:

Đối với các vướng mắc liên quan đến quy định của luật, pháp lệnh, báo cáo, đề xuất Chính phủ để kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Đối với các vướng mắc liên quan đến quy định tại các Nghị định, Quyết định của Thủ tướng, báo cáo, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung ngay theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Đối với các vướng mắc liên quan đến quy định tại các Thông tư, kiến nghị các Bộ khẩn trương nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.

Báo cáo rà soát, đề xuất gửi về Văn phòng Chính phủ trước ngày 20/7/2021 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam ký Quyết định số 1158/QĐ-TTg ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030.

Chương trình đặt mục tiêu đến năm 2030, giá trị giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ hàng năm tăng mạnh, bình quân đạt 30%, trên 35% đối với một số lĩnh vực, ngành hàng xuất khẩu chủ lực. Tỷ trọng giao dịch tài sản trí tuệ đạt trên 20%, tỷ trọng giao dịch các công nghệ nhập khẩu từ các nước phát triển đạt 35%. Tỷ trọng giao dịch công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học Việt Nam đạt trên 40% trong tổng giao dịch công nghệ có nguồn gốc trong nước.

Phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ: Trên 240 tổ chức trung gian và 6 mạng lưới tổ chức trung gian chuyên sâu cho 6 ngành hàng xuất khẩu chủ lực.

Số hóa các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa trên thị trường. Hiện đại hóa hệ thống hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ, kết nối hiệu quả với mạng lưới tổ chức trung gian khu vực và toàn cầu.

Để đạt được những mục tiêu trên, Chương trình đã đưa ra những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể như: Tiếp tục hoàn thiện môi trường pháp lý hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ; thúc đẩy phát triển nguồn cầu của thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển nguồn cung của thị trường khoa học và công nghệ; phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; tăng cường hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, truyền thông và hội nhập quốc tế về thị trường khoa học và công nghệ; phát triển hạ tầng quốc gia của thị trường khoa học và công nghệ ...

### **Xây dựng cơ chế tạo động lực cạnh tranh**

Trong đó, Chương trình xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia thị trường khoa học và công nghệ; cơ chế liên thông thị trường khoa học và công nghệ với các thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính và lao động.

Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với chuỗi giá trị sản phẩm, tạo giá trị gia tăng, nâng cao chất lượng và số lượng nguồn cung hàng hóa khoa học và công nghệ trên thị trường.

Triển khai các biện pháp thúc đẩy chuyên gia công nghệ; nhập khẩu, giải mã các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, ưu tiên công nghệ từ các nước phát triển, có tiềm năng tác động lớn và lan tỏa, trước hết là đối với một số lĩnh vực công nghiệp/ngành hàng xuất khẩu chủ lực.

Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; ưu tiên hỗ trợ các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp phụ trợ, cơ giới hoá, chế biến sâu trong nông nghiệp, phục vụ yêu cầu phát triển vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn...

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## **BỘ TÀI CHÍNH: 100% THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

Bộ Tài chính luôn xác định đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến là ưu tiên hàng đầu trong quá trình xây dựng chính phủ điện tử, chính phủ số. Cho đến nay, 100% thủ tục hành chính của Bộ Tài chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Thông tin từ Bộ Tài chính, đến nay, 100% thủ tục hành chính của Bộ Tài chính được cung cấp bằng dịch vụ công trực tuyến.

Tính đến ngày 30/6/2021, tổng số thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính là 895, trong đó: số dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 là 94 (chiếm tỷ lệ 10,50% tổng số thủ tục); số dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 là 280 (tỷ lệ 31,4%); số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 81 (tỷ lệ 8,94%); số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 440 (tỷ lệ 49,16%). Tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 là 521 (tỷ lệ 58,2%).

Bộ Tài chính đã hoàn thành kết nối, tích hợp 285/521 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia, đạt tỷ lệ 54,8% (vượt 20% so với yêu cầu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 1/1/2020 và Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ). Trong đó: Tổng cục Thuế có 150 dịch vụ công trực tuyến, Tổng cục Hải quan có 72 dịch vụ công trực tuyến, Kho bạc nhà nước có 7 dịch vụ công trực tuyến, cơ quan Bộ Tài chính có 56 dịch vụ công trực tuyến.

Bên cạnh đó, dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính cung cấp ngày càng nhiều tiện ích, giúp giảm thời gian, chi phí, đem lại sự hài lòng cho các tổ chức và cá nhân, doanh nghiệp khi tham gia giao dịch với cơ quan tài chính.

Vì vậy, các dịch vụ công trực tuyến của Bộ Tài chính luôn được người dân, tổ chức, doanh nghiệp, đánh giá cao.

*Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn*

## BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: SẼ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ ĐỊA CHỈ SỐ

Ngày 14/7, tại Hà Nội, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức hội thảo địa chỉ số.

Đây cũng là một trong những nhiệm vụ được thực hiện theo Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 mà Bộ Thông tin và Truyền thông được giao, hướng tới việc đảm bảo mỗi gia đình có một địa chỉ số.

Tại hội thảo, Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Quản lý doanh nghiệp (Bộ Thông tin và Truyền thông) Nguyễn Trọng Đường cho biết phát triển kinh tế số, chuyển đổi số là một trong những mục tiêu Đảng, Chính phủ đặt ra từ năm 2019.

Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đều nhấn mạnh chuyển đổi số, kinh tế số là mục tiêu quan trọng của nhiệm kỳ tới, trong đó kinh tế số chiếm 20% GDP.

Dịch COVID-19 cũng làm thay đổi thói quen người dân toàn thế giới khi người dân, doanh nghiệp, tổ chức lên mạng nhiều hơn để làm việc, học tập, giải trí, mua sắm... dẫn tới nhu cầu chuyển phát tăng, đòi hỏi hạ tầng logistics phát triển và địa chỉ số trở nên quan trọng.

Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia giao Bộ Thông tin và Truyền thông phát triển Mã địa chỉ bưu chính - Vpostcode phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Vpostcode là mã địa chỉ phát triển trên nền tảng bản đồ số và mã bưu chính quốc gia, nhằm cung cấp các thông tin về mã và vị trí của bất kỳ địa điểm nào trên toàn quốc.

Các kết quả nổi bật của việc triển khai Vpostcode là nền tảng mã địa chỉ Vpostcode.vn, ứng dụng app mobile Vpostcode, bản đồ số Vmap.vn. Vpostcode có các tính năng: tạo địa chỉ số, tìm kiếm địa chỉ số, chỉ đường trên bản đồ, lưu thông tin địa chỉ số của người dùng, chia sẻ địa chỉ số,... gán địa chỉ số cho 23,4 triệu địa chỉ, cung cấp dịch vụ API kết nối, chia sẻ sử dụng với các tổ chức, doanh nghiệp.

Tuy nhiên, hiện có một số bất cập là chưa có văn bản hành chính chính thức quy định Vpostcode là địa chỉ số và cũng chưa có quy chế thông báo, gán địa chỉ Vpostcode cho từng địa điểm, công trình, nhà ở; chưa được người dân sử dụng trong đời sống, do vậy, vẫn phụ thuộc vào địa chỉ hành chính, trong khi số địa chỉ Vpostcode không có địa chỉ hành chính rõ ràng chiếm đến 71% (có 16,7 triệu trên tổng số 23,4 triệu địa chỉ Vpostcode là không có địa chỉ hành chính rõ ràng); khó nhớ do Vpostcode sử dụng cả số và chữ để đánh địa chỉ và nhiều ký tự (12 ký tự).

Bên cạnh đó, Vpostcode sử dụng OLC (thông tin tọa độ) trong cấu trúc mã địa chỉ ảnh hưởng đến tính riêng tư.

Việc thiếu địa chỉ hành chính gây nhiều bất cập cho Vpostcode: khó khăn trong việc rà soát, chính xác hóa thông tin địa chỉ; phải sử dụng các thông tin thường biến động như tên người, số điện thoại làm thông tin địa chỉ...

Đại diện Vụ Quản lý doanh nghiệp cũng cho biết để giải quyết những bất cập trên, Bộ Thông tin và Truyền thông đề xuất giải pháp xây dựng Nền tảng địa chỉ số quốc gia và Bản đồ số quốc gia.

Cụ thể là, ban hành quyết định chính thức quy định về địa chỉ số, với các nội dung cơ bản sau: cấu trúc địa chỉ số; quy chế tạo địa chỉ số; quy chế thông báo và gán biển địa chỉ số; trách nhiệm của các cơ quan đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện.

Thời gian tới, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ xây dựng Nền tảng địa chỉ số (cơ sở dữ liệu về địa chỉ số) trên cơ sở kế thừa nền tảng địa chỉ bưu chính VPostcode đã có; tổ chức thông báo, gán biển địa chỉ số đến từng công trình, nhà cửa, địa điểm đã được tạo địa chỉ số; xây dựng Bản đồ số quốc gia dựa trên cơ sở dữ liệu quốc gia địa chỉ số, đảm bảo chỉ đường, dẫn đường đến được từng địa chỉ số đã được tạo.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về địa chỉ số sẽ được mở để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cùng khai thác để xây dựng các bản đồ số chuyên biệt phục vụ cho từng ngành, lĩnh vực và hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp.

Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam Nguyễn Quốc Anh cho biết địa chỉ số có 2 phần là địa chỉ và bản đồ số. Về góc độ địa chỉ, Bưu điện Việt Nam đã xây dựng Vpostcode - khung địa chỉ bưu chính để hỗ trợ chuyển phát bưu phẩm đến đúng địa chỉ.

Bên cạnh đó, bản đồ số còn có những hỗ trợ khác như dịch vụ công, dịch vụ đô thị thông minh, hỗ trợ cho doanh nghiệp giao hàng... để tối ưu hóa lộ trình logistics, hay liên quan đến



phòng chống Covid để xử lý dữ liệu các F, khu vực có dịch, xử lý các thảm họa... Cơ sở dữ liệu địa chỉ được số hóa và các nền tảng bản đồ là "cấp bài" để phát huy giá trị của địa chỉ số.

Ông Nguyễn Quốc Anh cho biết cơ sở dữ liệu địa chỉ là quan trọng nhất, Bưu điện Việt Nam đã tiến hành thu thập tính đến hiện nay là hơn 23 triệu địa chỉ, trong đó hơn 21 triệu dữ liệu đã được xác thực (verify) qua 3 vòng, đạt chính xác 98,7%.

Bên cạnh đó, Vpostcode cũng đã cung cấp khả năng dẫn đường, khai thác thuộc tính đường, chỉ đường đến địa chỉ. Qua theo dõi ánh xạ lên bản đồ số, cơ sở dữ liệu này đã đạt 89,5% số lượng địa chỉ tương đương 21.020.000 địa chỉ có khả năng chỉ đường đến.

Vụ trưởng Vụ Bưu chính Nguyễn Vũ Hồng Thanh cho biết, việc xây dựng địa chỉ số là việc làm rất cần thiết. Thời gian qua, Vụ Bưu chính đồng hành với Bưu điện Việt Nam xây dựng mã địa chỉ bưu chính và việc hướng tới xây dựng địa chỉ số là công việc gian nan. Theo đó, các bên cần phải chung tay và làm rõ lợi ích của các bên.

Bên cạnh yếu tố kỹ thuật, công nghệ, bà Nguyễn Vũ Hồng Thanh kiến nghị cần làm rõ lợi ích của địa chỉ số vì sản phẩm đưa ra phải có lợi ích cho người dùng. Các quy định xây dựng địa chỉ số cần rõ ràng, theo đó, có các yêu cầu, nguyên tắc khi tham gia. Địa chỉ số là nâng cấp cao hơn, trong đó có 10 chữ số do cơ quan quản lý, trên cơ sở đó các cơ quan có thể bổ sung thêm để phục vụ đối tượng khách hàng, quản lý của mình.

Cấu trúc Địa chỉ số dự kiến gồm 10 ký tự dạng số: 5 ký tự đầu là mã khu vực (Được gán đến đơn vị hành chính cấp phường/xã và đơn vị hành chính tương đương), 5 ký tự sau là mã mở rộng (được gán đến từng công trình, nhà ở hoặc bất kỳ địa điểm nào cần đánh địa chỉ. Mã mở rộng này là duy nhất cho mỗi khu vực).

Các trường thông tin của một địa chỉ số gồm: tọa độ địa chỉ: tọa độ của địa chỉ vật lý được gán mã địa chỉ số; Phân loại địa chỉ: phân loại của đối tượng địa chỉ vật lý; Địa chỉ hành chính: thông tin chi tiết để xác định một địa chỉ vật lý và Ảnh địa chỉ (kèm tọa độ): không bắt buộc, phục vụ cho người dùng tự tạo địa chỉ số mới.

*Nguồn: ttxvn/Vietnam+*

## **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, ngày 07/7/2021,



Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số 1171/QĐ-NHNN phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án giai đoạn 2021 - 2025.

Kế hoạch nhằm mục đích tiếp tục đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa trong hoạt động giải quyết thủ tục hành chính với mục tiêu tổ chức, cá nhân có thể thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính nơi thường trú hoặc đặt trụ sở doanh nghiệp; số hóa, điện tử hóa quy trình, các thành phần hồ sơ, văn bản hình thành trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính và kết quả giải quyết thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số trong xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số. Kế hoạch tập trung triển khai các nội dung:

Một là, thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước, từng bước tạo lập cơ sở dữ liệu điện tử đầy đủ, chính xác, đảm bảo tính pháp lý; Nâng cấp Hệ thống thông tin một cửa điện tử Ngân hàng Nhà nước đáp ứng yêu cầu số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; Xây dựng, hoàn thiện Kho dữ liệu cá nhân, tổ chức trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Ngân hàng Nhà nước đáp ứng yêu cầu lưu trữ điện tử, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; Kết nối, tích hợp dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính giữa Hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước với Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính theo yêu cầu của Đề án.

Hai là, đổi mới tổ chức quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ việc đơn giản hoá trong chuẩn bị, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính: Rà soát, tổ chức sắp xếp lại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước để triển khai quy trình số hóa theo yêu cầu, tiến độ kế hoạch thực hiện của Đề án; Tổ chức triển khai quy trình số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo kế hoạch; Thực hiện đồng bộ, liên kết tài khoản của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công của Ngân hàng Nhà nước với Cổng dịch vụ công quốc gia; Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ của Đề án; Tái cấu trúc quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm thủ tục hoặc các bước kiểm tra, xác nhận, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ thủ tục hành chính trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin liên quan đến dịch vụ công.

Ba là, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính: Rà soát, xác định các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước để tổ chức triển khai tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo lộ trình từ 2021 đến 2025.

Bốn là, thực hiện các mô hình, giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng hoạt động của Bộ phận một cửa: Đánh giá hoạt động của Bộ phận một cửa Ngân hàng Nhà nước, xác định cơ cấu, số lượng nhân sự phù hợp để triển khai bảo đảm nâng cao năng suất lao động và đáp ứng yêu cầu đổi mới thực hiện cơ chế một cửa; Nghiên cứu, triển khai các mô hình, giải pháp đổi

mới phù hợp với điều kiện thực tế để nâng cao năng suất, hiệu quả, chất lượng phục vụ của Bộ phận một cửa; Nghiên cứu cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước.

Năm là, đổi mới việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính: Đổi mới việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực trên ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông hiệu quả; Căn cứ Bộ Chỉ số đánh giá, giám sát, đo lường chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, hoàn thiện chức năng giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Ngân hàng Nhà nước; Kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Ngân hàng Nhà nước và Cổng dịch vụ công quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo thời gian thực; Tổ chức triển khai thực hiện giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo các yêu cầu, nhiệm vụ của Đề án.

Sáu là, rà soát, hoàn thiện quy định về cơ chế một cửa: Sửa đổi, bổ sung quy chế, quy định liên quan đến việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa của Ngân hàng Nhà nước theo các nội dung nhiệm vụ của Đề án; Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

*Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## KHO BẠC NHÀ NƯỚC: ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sáng ngày 14/7, Kho bạc Nhà nước tổ chức Hội nghị Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm của hệ thống Kho bạc Nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính Hồ Đức Phớc và Thứ trưởng Bộ Tài chính Đỗ Hoàng Anh Tuấn chủ trì và chỉ đạo Hội nghị.

Theo Phó Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trần Thị Huệ, trong 6 tháng đầu năm 2021, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố đã chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan thu trên địa bàn để tập trung nhanh, hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản thu cho các cấp ngân sách; cung cấp thông tin số liệu thu ngân sách thường xuyên, liên tục cho các cấp có thẩm quyền, phục vụ công tác điều hành thu ngân sách các cấp.

Theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước, tính đến hết ngày 30/6/2021, lũy kế thu Kho bạc Nhà nước trong cân đối đạt 779.482 tỷ đồng, bằng 58,03 % so với dự toán năm 2021.

Về công tác kiểm soát chi, trong 6 tháng đầu năm 2021, hệ thống Kho bạc Nhà nước đã thực hiện các biện pháp nhằm thực hiện công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước đảm bảo

chặt chẽ, kịp thời, đúng quy định. Đặc biệt, ưu tiên kiểm soát thanh toán nhanh, kịp thời kinh phí cho công tác phòng, chống dịch COVID-19.

Thống kê của Kho bạc Nhà nước cho thấy, tính đến hết ngày 30/6/2021, hệ thống Kho bạc Nhà nước đã thực hiện kiểm soát khoảng 419.008 tỷ đồng, bằng 39,4% dự toán chi thường xuyên của ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

Theo bà Trần Thị Huệ, trong 6 tháng đầu năm 2021, Kho bạc Nhà nước đã chủ động tham mưu với Lãnh đạo Bộ Tài chính trong việc xây dựng và triển khai phương án điều hành ngân quỹ nhà nước năm 2021 và Quý 1, Quý 2 năm 2021 theo hướng an toàn, chủ động, minh bạch và hiệu quả.

Kho bạc Nhà nước còn thực hiện việc gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo phương thức điện tử, cạnh tranh lãi suất để nâng cao tính cạnh tranh, công khai, minh bạch. Chủ động tham mưu kịp thời cho các cấp lãnh đạo các giải pháp điều hành ngoại tệ đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu chi trả, thanh toán bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước.

Đáng chú ý, trong bối cảnh giải ngân vốn đầu tư công chậm, tồn ngân quỹ nhà nước cao, Kho bạc Nhà nước đã thực hiện điều chỉnh khối lượng phát hành trái phiếu chính phủ cơ bản đáp ứng nguồn thanh toán nợ gốc đến hạn của ngân sách trung ương. Tính đến ngày 30/6/2021, Kho bạc Nhà nước đã huy động được 141.493 tỷ đồng, đạt 40,4% kế hoạch năm Bộ Tài chính giao.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Tài chính Đỗ Hoàng Anh Tuấn đánh giá cao những kết quả Kho bạc Nhà nước đã đạt được trong 6 tháng đầu năm. Trên cơ sở kết quả đó Thứ trưởng nhấn mạnh một số nhiệm vụ quan trọng từ nay đến cuối năm đặt ra cho Kho bạc Nhà nước.

Theo đó, cần tăng cường công tác quản lý ngân quỹ, kiểm soát chi để nâng cao hiệu quả phòng chống rủi ro với ngân sách nhà nước. Cụ thể, xác định rõ từ nay trở đi về huy động trái phiếu chính phủ cho bù đắp bội chi và cho trả nợ phải tuân thủ nguyên tắc đảm bảo phát hành trái phiếu đầy đủ kịp thời để trả các khoản nợ trong nước và ngoài nước được Quốc hội giao. Bên cạnh đó, chỉ phát hành trái phiếu chính phủ bù đắp bội chi căn cứ vào nhiệm vụ thu ngân sách và nhiệm vụ giải ngân vốn.

Thứ trưởng Đỗ Hoàng Anh Tuấn giao Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước ngay trong tháng 8/2021 xây dựng quy chế, chế độ trách nhiệm, quy trình nghiệp vụ để đến tháng 9 có thể thực hiện đấu giá trái phiếu chính phủ theo phương thức đơn giản và đa dạng. Kho bạc Nhà nước cũng phải chấn chỉnh những tồn tại của các quỹ nhà nước ngoài ngân sách.

Một nhiệm vụ quan trọng khác của Kho bạc Nhà nước thời gian tới là Kho bạc Nhà nước phải thực hiện cải cách theo hướng hiện đại hoá. Theo đó yêu cầu thời gian tới tăng cường hiện đại hoá thủ tục hành chính trong các quy trình nghiệp vụ. Cùng với đó, gắn với cải cách hiện đại hoá và chứng từ điện tử phải cải cách cả hồ sơ, quan hệ giữa đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán với Kho bạc Nhà nước và Bộ Tài chính, tránh phiền hà cho các đơn vị.

Thứ trưởng Đỗ Hoàng Anh Tuấn cũng giao nhiệm vụ cho Kho bạc Nhà nước nghiên cứu Đề án về không sử dụng tiền mặt; vì hiện nay dưới 1% thanh toán bằng tiền mặt qua Kho bạc Nhà nước. So với tổng thu ngân sách nhà nước thì con số này vẫn là khá lớn.



"Những nhiệm vụ trên phải được cụ thể hoá bằng Chỉ thị rõ ràng về mục tiêu, quan điểm, giải pháp, yêu cầu", Thứ trưởng Đỗ Hoàng Anh Tuấn nhấn mạnh.

Tại Hội nghị, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Tài chính, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước Nguyễn Đức Chi cho biết, hệ thống Kho bạc Nhà nước sẽ thảo luận để bàn các giải pháp cụ thể trong 6 tháng cuối năm 2021 và các năm tiếp theo. Theo đó chú trọng một số nhiệm vụ trọng tâm là: xây dựng, hoàn thiện các đề án, chính sách theo đúng kế hoạch của Bộ Tài chính đảm bảo yêu cầu về thời hạn, chất lượng và khả thi, đặc biệt là một số đề án quan trọng, như: Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước và Báo cáo tài chính nhà nước năm 2019; Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước; Báo cáo tiền khả thi Dự án xây dựng Hệ thống thông tin Ngân sách và Kế toán nhà nước số để hướng tới hình thành Kho bạc Số.

Hệ thống Kho bạc Nhà nước cũng sẽ tiếp tục tìm các giải pháp phối hợp thu nhằm tập trung đầy đủ, kịp thời các khoản thu vào ngân sách nhà nước, hoàn thành cao nhất dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2021. Đồng thời, tham mưu với các cấp có thẩm quyền nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng giao dịch.

Nhiệm vụ trọng tâm khác của Kho bạc Nhà nước đó là tìm các giải pháp thực hiện nhiệm vụ huy động vốn và tổ chức điều hành ngân quỹ nhà nước đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa quản lý ngân quỹ nhà nước với quản lý ngân sách và quản lý nợ công. Ngoài ra, Kho bạc Nhà nước cũng sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Trong đó, mục tiêu hoàn thành 100% thủ tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 để sớm hình thành “Kho bạc 3 Không” (không dùng tiền mặt, không chứng từ, không khách giao dịch tại trụ sở).

Đặc biệt, Quản lý Quỹ vaccine phòng, chống COVID-19 sẽ tiếp tục được công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

" Kho bạc Nhà nước xin hứa với Bộ trưởng và các đồng chí Lãnh đạo Bộ, hệ thống Kho bạc Nhà nước sẽ giữ vững truyền thống đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được Đảng, Nhà nước, Ban Cán sự Đảng và Lãnh đạo Bộ giao phó", Tổng Giám đốc Nguyễn Đức Chi phát biểu tại Hội nghị.

*Nguồn: dangcongsan.vn*

## SẮP TRIỂN KHAI HỆ THỐNG HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ TẠI 6 TỈNH, THÀNH PHỐ

Tổng cục Thuế đang xây dựng Hệ thống hóa đơn điện tử trên nền tảng kiến trúc ứng dụng công nghệ 4.0 theo hướng triển khai cho hệ thống dữ liệu lớn phù hợp với yêu cầu về xử lý số lượng lớn giao dịch về hóa đơn. Dự kiến, trong thời gian tới Hệ thống sẽ được triển khai trước

tại 6 Cục Thuế các tỉnh, thành phố (dự kiến gồm Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Phú Thọ và Bình Định).

### **Hạn chế gian lận thuế**

Để hạn chế các trường hợp lợi dụng gian lận trong việc sử dụng hóa đơn, tại Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế đã quy định: “Người nộp thuế kinh doanh thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế thì lập hóa đơn điện tử và gửi thông tin trên hóa đơn bằng phương thức điện tử cho cơ quan thuế để nhận mã xác thực hóa đơn từ cơ quan thuế”. Theo đó, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015 thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế.

Theo các quy định trên, các doanh nghiệp đang sử dụng 2 loại hóa đơn điện tử, gồm loại không có mã xác thực của cơ quan thuế theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC và hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC.

Việc áp dụng hóa đơn điện tử trong thời gian qua đã mang lại nhiều lợi ích như giảm thời gian, chi phí về hoá đơn cho doanh nghiệp, góp phần hạn chế các hành vi gian lận về hoá đơn. Bên cạnh đó, hóa đơn điện tử còn giúp doanh nghiệp giảm chi phí giấy, mực in, vận chuyển và đặc biệt chi phí lưu trữ hóa đơn. Doanh nghiệp không phải lập báo cáo sử dụng hóa đơn, dữ liệu từ hóa đơn điện tử được kết nối tự động với phần mềm khai thuế giá trị gia tăng nên doanh nghiệp không mất thời gian lập tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Hóa đơn điện tử còn có tính bảo mật cao vì sử dụng chữ ký số của người bán nên khả năng làm giả hóa đơn là khó. Vì vậy, việc sử dụng hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn giấy sẽ khắc phục được gian lận phát sinh trong việc sử dụng hóa đơn.

Theo báo cáo của Tổng cục Thuế, hiện nay trên cả nước có 255 doanh nghiệp thí điểm áp dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC của Bộ Tài chính và hơn 550.000 doanh nghiệp áp dụng hóa đơn điện tử theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC. Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn do các doanh nghiệp gửi, số lượng hóa đơn điện tử doanh nghiệp sử dụng một năm khoảng gần 1,3 tỷ hóa đơn. Cả nước có khoảng 800 doanh nghiệp cung cấp giải pháp phần mềm hóa đơn điện tử cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh sử dụng. Số lượng hóa đơn điện tử đã sử dụng trong năm 2020 khoảng 2,3 tỷ hoá đơn, chiếm khoảng 50% tổng số hóa đơn sử dụng trong năm 2020.

### **Giúp doanh nghiệp chuyển đổi số**

Song song với việc thực hiện hóa đơn điện tử như hiện nay, căn cứ quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và yêu cầu quản lý về hoá đơn điện tử, Tổng cục Thuế đang hoàn chỉnh dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn chứng từ. Đồng thời, Tổng cục Thuế đang nghiên cứu các giải pháp công nghệ, xây dựng thiết kế tổng thể hệ thống quản lý hóa đơn điện tử đáp ứng quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

Theo đó, Hệ thống hóa đơn điện tử được xây dựng trên nền tảng kiến trúc ứng dụng công nghệ 4.0 theo hướng triển khai hệ thống dữ liệu lớn (Big Data), phù hợp với yêu cầu về xử lý

số lượng lớn giao dịch về hóa đơn, khối chức năng xử lý nghiệp vụ được thiết kế triển khai linh hoạt, có độ mở cao, theo mô hình vừa xây dựng phát triển phần mềm, vừa triển khai và vận hành mà không ảnh hưởng tới hoạt động của ứng dụng.

Dự kiến, Hệ thống hóa đơn điện tử sẽ được thực hiện triển khai trước tại 6 tỉnh, thành phố trong những tháng cuối năm, trước khi triển khai trên toàn quốc, đảm bảo thời hạn đúng theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Việc triển khai Hệ thống hoá đơn điện tử cũng góp phần giúp các doanh nghiệp chuyển đổi số khi tiến hành số hóa, tự động hóa tất cả các quy trình làm việc để thay thế phương thức làm việc thủ công, kém hiệu quả trước đây. Mọi hoạt động của doanh nghiệp từ sản xuất, quảng bá, tiếp thị, bán hàng, thanh toán cho tới xuất hóa đơn sắp tới đây sẽ được số hóa, đồng bộ, nhằm tối ưu quy trình quản lý, nâng cao hiệu suất làm việc, tiết kiệm chi phí.

*Nguồn: mof.gov.vn*

## RA MẮT TRUNG TÂM SỐ HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SỐ, KINH DOANH TRỰC TUYẾN

KinhDoanhSo.com cung cấp khóa huấn luyện trực tuyến và trực tiếp, bao gồm các công cụ hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển trên nền tảng số vừa được ra mắt trực tuyến ngày 14/7...

Những năm gần đây, chuyển đổi số là một trong những mục tiêu quan tâm hàng đầu, đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp hiện nay. Tuy nhiên, doanh nghiệp Việt gặp phải rào cản kiến thức về chuyển đổi số, dẫn đến quá trình số hóa diễn ra chậm hay không đem lại hiệu quả như mong muốn.

Nhằm tháo gỡ những khó khăn trước mắt, KinhDoanhSo được xem là Trung tâm số, tập trung mọi nguồn lực cần thiết cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ họ thực hiện chuyển đổi số việc kinh doanh thực tế. Dự án do Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam (VECOM) và Liên minh Chuyển đổi số (DTS), hệ thống Học viện Kinh doanh số IM Group và các doanh nghiệp trong lĩnh vực số phối hợp vận hành.

Ngoài ra, KinhDoanhSo cung cấp đầy đủ từ kiến thức, đến công cụ, chuyên gia tư vấn, liên kết dịch vụ, kết nối nguồn nhân lực để hỗ trợ doanh nghiệp từ mọi khía cạnh. Đây sẽ là nơi quản lý tập trung toàn bộ “tài sản số” doanh nghiệp, giúp việc chuyển đổi số kinh doanh trở nên đơn giản và thực tế hơn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh thời công nghệ 4.0.

Ông Nguyễn Ngọc Dũng, Phó Chủ tịch Hiệp hội Thương mại Điện tử Việt Nam cho biết: Chiến lược sắp tới sẽ phối hợp với tất cả các tổ chức Chính phủ, cơ quan quản lý ban ngành để hỗ trợ doanh nghiệp từng tỉnh chuyển đổi số; Hợp tác với các tổ chức quốc tế như Liên hợp



Quốc, Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ (USAID) để tổ chức thí điểm chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng. Đồng thời, mở các điểm tư vấn hỗ trợ chuyển đổi số toàn quốc.

Ông Leon Trương, Chủ tịch Liên minh Chuyển đổi số (DTS) chia sẻ: “Chúng tôi nhận thấy rằng việc đào tạo kiến thức tổng thể về lĩnh vực số là rất quan trọng, đặc biệt trong giai đoạn ảnh hưởng dịch bệnh. Trung tâm số đã trải qua quá trình thử nghiệm và nhận được phản hồi tích cực từ người dùng. KinhDoanhSo hỗ trợ tư vấn và đồng hành cùng doanh nghiệp trong suốt quá trình chuyển đổi số”.

Đặc biệt, dự án KinhDoanhSo giúp doanh nghiệp giải quyết vấn đề khan hiếm nguồn nhân lực chuyên môn trong lĩnh vực số, tạo điều kiện kết nối và tiếp cận nguồn nhân lực chuyển đổi số dễ dàng hơn. Bên cạnh đó, KinhDoanhSo hoàn tiền mặt từ 10% - 30%, hỗ trợ tư vấn tổng thể và đồng hành xuyên suốt trong quá trình triển khai.

Năm 2021, mục tiêu của KinhDoanhSo hỗ trợ 200.000 doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ và mở rộng hợp tác với 500 doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, đồng thời phát triển đội ngũ mentor và 1.000 tư vấn viên phủ khắp 30 tỉnh thành trên cả nước.

*Nguồn: vneconomy.vn*

## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

### \* Ủy ban dân tộc: Đề xuất 4 nhóm việc làm công chức hành chính công tác dân tộc

Ủy ban Dân tộc đang dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức lĩnh vực công tác dân tộc và định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc lĩnh vực công tác dân tộc. Trong đó, Ủy ban Dân tộc đề xuất vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc lĩnh vực công tác dân tộc gồm 4 nhóm.

Cụ thể, 4 nhóm vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc lĩnh vực công tác dân tộc được đề xuất như sau: 1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 2. Vị trí việc làm nghiệp vụ lĩnh vực công tác dân tộc; 3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung (các vị trí việc làm chuyên môn dùng chung về tài chính, kế hoạch, đầu tư, thanh tra, pháp chế, hợp tác quốc tế, tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, văn phòng và một số vị trí việc làm đặc thù khác); 4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ.

Dự thảo nêu rõ, hệ thống vị trí việc làm công chức nghiệp vụ lĩnh vực công tác dân tộc gồm 3 vị trí việc làm (có ngạch công chức tương ứng, cơ quan được áp dụng và bản mô tả vị trí việc làm), cụ thể như sau:

1. Chuyên viên cao cấp về công tác dân tộc - Ngạch công chức tương ứng: Chuyên viên cao cấp. Cơ quan được áp dụng: Tại các cơ quan chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ quản lý về công tác dân tộc ở Trung ương.

2. Chuyên viên chính về công tác dân tộc - Ngạch công chức tương ứng: Chuyên viên chính. Cơ quan được áp dụng: Tại các cơ quan chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ quản lý về công tác dân tộc ở Trung ương; Ban Dân tộc, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chuyên viên về công tác dân tộc - Ngạch công chức tương ứng: Chuyên viên. Cơ quan được áp dụng: Tại các cơ quan chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ quản lý về công tác dân tộc ở Trung ương; cấp tỉnh, cấp huyện.

#### **Định mức biên chế công chức**

Dự thảo nêu rõ, đối với Vụ thuộc Ủy ban Dân tộc và các tổ chức hành chính tương đương không có cấp phòng trực thuộc, định mức biên chế công chức được đề xuất cụ thể như sau: 1 công chức Vụ trưởng và tương đương; từ 1 - 3 công chức Phó vụ trưởng và tương đương; chuyên viên tham mưu, giúp việc (tương ứng với vị trí việc làm: Nghiệp vụ lĩnh vực công tác dân tộc, chuyên môn dùng chung, hỗ trợ, phục vụ). Định biên đảm bảo tổng số công chức của Vụ đạt tối thiểu 15 biên chế công chức.

Định mức biên chế công chức đối với Ban Dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được đề xuất như sau: 1 biên chế công chức Trưởng ban; từ 1 - 3 biên chế công chức Phó Trưởng ban.

Định biên công chức của phòng thuộc Ban Dân tộc (tính bao gồm cả số lượng Trưởng phòng và Phó trưởng phòng) được đề xuất như sau: Bố trí tối thiểu 7 biên chế công chức đối với phòng thuộc Ban Dân tộc của TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (nếu có); tối thiểu 6 biên chế công chức đối với phòng thuộc Ban Dân tộc của cấp tỉnh loại I; tối thiểu 5 biên chế công chức đối với phòng thuộc Ban Dân tộc của cấp tỉnh loại II và loại III.

#### **Dự thảo đề xuất 1 biên chế công chức Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc.**

Định biên Phó Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc được đề xuất như sau: Phòng thuộc Ban Dân tộc của TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (nếu có) có dưới 10 biên chế công chức, phòng thuộc Ban Dân tộc của cấp tỉnh loại I có dưới 9 biên chế công chức và phòng thuộc Ban Dân tộc của cấp tỉnh loại II và loại III có dưới 8 biên chế công chức được bố trí 1 Phó Trưởng phòng; phòng thuộc Ban Dân tộc của TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (nếu có) có từ 10 - 14 biên chế công chức, phòng thuộc Ban Dân tộc của cấp tỉnh loại I có từ 9 - 14 biên chế công chức và phòng thuộc Ban Dân tộc của cấp tỉnh loại II và loại III có từ 8 - 14 biên chế công chức được bố trí không quá 2 Phó Trưởng phòng; phòng thuộc Ban Dân tộc có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 3 Phó Trưởng phòng.

#### **\* Ủy ban dân tộc: Đề xuất bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ban Dân tộc cấp tỉnh**

Ủy ban Dân tộc đang dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn công tác dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện.

Theo dự thảo, Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang sở thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý Nhà nước về công tác dân tộc.

Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

Về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc, so với quy định tại Thông tư liên tịch 07/2014/TTLT-UBDT-NV, Ủy ban Dân tộc đề xuất bổ sung nhiệm vụ: Ban Dân tộc là cơ

quan thường trực tham mưu triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh.

Ủy ban Dân tộc lý giải đề xuất bổ sung nhiệm vụ trên là do hiện nay, Ủy ban Dân tộc được Quốc hội, Chính phủ giao là cơ quan thường trực tham mưu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia đặt tại Ủy ban Dân tộc. Như vậy, để đồng bộ thống nhất trong quản lý, điều hành xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương cần quy định trong dự thảo Thông tư hướng dẫn để các tỉnh có cơ sở thành lập đơn vị tham mưu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

Bên cạnh đó, Ủy ban Dân tộc cũng đề xuất bổ sung thêm nhiệm vụ của Ban Dân tộc là tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận, bổ sung người có uy tín và thực hiện việc rà soát, bổ sung người có uy tín và thực hiện việc rà soát, bổ sung hoặc thay thế người có uy tín trong vùng dân tộc thiểu số đúng trình tự, thủ tục theo các quy định hiện hành và tổ chức thực hiện chính sách đối với người có uy tín.

Ủy ban Dân tộc giải thích, căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 6/3/2018 của Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện việc lập danh sách, phân cấp quản lý, phân công thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín ở địa phương; giao cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định 12/2018/QĐ-TTg; chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, đúng chế độ và kịp thời; định kỳ tổng kết, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chính sách gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Ngoài ra, dự thảo cũng đề xuất các nhiệm vụ khác của Ban Dân tộc như: Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ban Dân tộc và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, đề án, dự án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng biển đảo, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật...

*Nguồn: baochinhhphu.vn*



## HÀ NỘI: TRIỂN KHAI ĐĂNG KÝ SÁNG KIẾN, Ý TƯỞNG MỚI TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Sở Nội vụ TP. Hà Nội đã ban hành Công văn số 1980/SNV-CCHC ngày 12/7/2021 về việc đăng ký sáng kiến, giải pháp, ý tưởng mới trong công tác cải cách hành chính năm 2021.

Công văn nêu rõ, thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố (ban hành kèm theo Quyết định số 5743/QĐ-UBND ngày 29/12/2020) và chủ đề công tác năm 2021 của thành phố: “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển”, Sở Nội vụ đề nghị các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã thuộc thành phố lựa chọn, đăng ký sáng kiến, giải pháp, ý tưởng mới về cải cách hành chính triển khai trong năm 2021.

Cụ thể, đối với các sở, ban, ngành, đăng ký tối thiểu 1 sáng kiến, giải pháp, ý tưởng mới. Đối với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã (gồm Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trực thuộc) đăng ký tối thiểu 2 sáng kiến, giải pháp, ý tưởng mới.

Sáng kiến, giải pháp, ý tưởng mới tập trung vào các nội dung còn hạn chế, tồn tại của ngành, địa phương hoặc giải pháp mang tính đột phá, góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính của cơ quan, địa phương hoặc thành phố. Các cơ quan, đơn vị gửi bản đăng ký sáng kiến về Sở Nội vụ trước ngày 31/7/2021.

Sở Nội vụ TP. Hà Nội cũng yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện sáng kiến, giải pháp, ý tưởng mới trước ngày 30/11/2021 để phục vụ công tác đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương năm 2021.

*Nguồn: hanoimoi.com.vn*

## THANH HÓA: RÀO CẢN CẢI THIỆN NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

Trong lộ trình được xây dựng, tỉnh Thanh Hóa hướng tới nằm trong top 10 về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) vào năm 2020. Để thực hiện lộ trình này, lãnh đạo tỉnh, các cấp, các ngành đã nỗ lực trong mọi hoạt động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư khi chọn tỉnh Thanh Hóa làm điểm dừng chân sản xuất, kinh doanh. Từ năm 2015 đến nay, chỉ số này của tỉnh Thanh Hóa liên tục tăng về điểm số; tuy nhiên, về vị trí trên bảng xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh lại bị tụt giảm.

Năm 2020, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Thanh Hóa đạt 63,91 điểm, đứng thứ 28 cả nước và thuộc nhóm khá. Có 7/10 chỉ số thành phần tăng điểm so với năm 2019,

gồm: gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, chi phí không chính thức, cạnh tranh bình đẳng, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Các chỉ số còn lại vẫn ở mức độ khiêm tốn và tụt về điểm số so với những năm trước.

Hơn nữa, tuy đây là năm tỉnh ta đạt được điểm số khá cao, nhưng mức độ cải thiện lại chưa đáp ứng được kỳ vọng của chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp, bởi trên thực tế, thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2020 có tăng 3 bậc so với năm 2016 nhưng đã tụt 4 bậc so với năm 2019.

Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa Đỗ Đình Hiệu, nhận định: Sở dĩ, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2020 giảm so với năm 2019 là do tốc độ cải thiện của một số chỉ số thành phần còn ở mức thấp; điểm số của một số chỉ số thành phần quan trọng còn bị tụt giảm về điểm và thứ hạng. Điển hình như: điểm số về tính minh bạch năm 2020 giảm 42 bậc so với năm 2019, chi phí không chính thức giảm 6 bậc, tính năng động của chính quyền giảm 12 bậc, đào tạo lao động giảm 4 bậc... Một số chỉ số hiện vẫn đang xếp hạng khá thấp, như: chi phí thời gian xếp hạng 46/63 cả nước, chỉ số cạnh tranh bình đẳng xếp hạng 56/63, chỉ số thiết chế pháp lý và an ninh trật tự xếp hạng 57/63...

Cũng theo nhận định của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa, tốc độ cải thiện thứ bậc trong Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Thanh Hóa cải thiện chưa được như kỳ vọng còn có nguyên nhân do trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sôi động, kết quả cải thiện các chỉ số trên phạm vi toàn quốc đang rất nhanh chóng thì mức độ tăng trưởng này tại tỉnh ta vẫn chưa có sức đột phá, nhất là ở nhiều chỉ số quan trọng, như: chỉ số về tính minh bạch, tính năng động của chính quyền, về dịch vụ đào tạo lao động và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ DN nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân tham gia nhiều hơn vào thị trường.

Tại tỉnh Thanh Hóa, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh được xác định là 1 trong 4 khâu đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, vấn đề cải thiện Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ quan trọng liên quan đến đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững. Chính vì vậy, cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân tỉnh Thanh Hóa đang kỳ vọng chính quyền các cấp sẽ tiếp tục có nhiều nỗ lực cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút đầu tư, thúc đẩy sự minh bạch và trách nhiệm trong điều hành kinh tế, phấn đấu đưa Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Thanh Hóa quay trở lại top 10 cả nước. Trong mục tiêu cải thiện chỉ số này, cộng đồng doanh nghiệp mong muốn những cải cách mạnh mẽ hơn nữa về các chỉ số quan trọng như cơ chế tiếp cận đất đai, những thông tin minh bạch về quy hoạch, tạo thuận lợi để các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và phát triển.

*Nguồn: baothanhhoa.vn*

## HÀ TỈNH: SẮP XẾP ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM, ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Võ Trọng Hải đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Hà Tĩnh tập trung nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc tại các địa phương, đơn vị trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp tổ chức bộ máy, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

### Tỉnh Hà Tĩnh đạt được nhiều kết quả trong kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, thời gian qua, Sở Nội vụ đã tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến ngành. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính, sự nghiệp, đảm bảo tinh gọn, nhất là đầu mối bên trong của các tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Đến nay, tỉnh Hà Tĩnh đã sắp xếp giảm 34 tổ chức hành chính trực thuộc các sở, ban, ngành; giảm 32 phòng, tổ chức trực thuộc các ban, chi cục; giảm 3 phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; giảm 140 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Giai đoạn 2019 - 2021, Sở Nội vụ đã tham mưu thực hiện sắp xếp 80 đơn vị hành chính cấp xã, kết quả giảm 46 xã, hình thành 34 xã mới. Từ năm 2015 đến nay, thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố, kết quả đã giảm được 872 thôn, tổ dân phố.

Về tinh giản biên chế trong giai đoạn 2015 - 2021, toàn tỉnh đã tinh giản được 257 biên chế hành chính, đạt tỷ lệ 10,39% và 3.198 số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp, đạt tỷ lệ 10,89%. Toàn tỉnh Hà Tĩnh đã giảm hơn 26.170 cán bộ thôn, tổ dân phố, trong đó có 2.436 người hoạt động không chuyên trách và 23.734 người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố.

Công tác cải cách hành chính được tập trung đẩy mạnh. Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 xếp thứ 16/63; Chỉ số hiệu quả và quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2020 xếp thứ 5/63; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2020 xếp thứ 11/63; tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng và trước hạn tính trung bình chung cả 3 cấp đạt 99,84%.

Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản ổn định; công tác thi đua, khen thưởng có nhiều đổi mới cả về nội dung, hình thức; văn thư, lưu trữ từng bước đi vào nền nếp...

Tại buổi làm việc, lãnh đạo các sở, ngành, địa phương đã đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tổ chức các đợt tuyển dụng cán bộ, công chức hằng năm cho các địa phương hoặc cho phép các địa phương chủ động trong công tác tuyển dụng để đảm bảo đủ số biên chế được giao.

Mở rộng quy định về chuyên môn cho một số chức danh; cho phép việc tuyển dụng giáo viên hợp đồng để bổ sung cho các trường học, phục vụ kịp thời việc dạy học; nâng cao năng



lực quản lý nhà nước cho đội ngũ lãnh đạo cấp xã; cho ngành y tế cơ chế về tuyển dụng đối với bác sỹ dài hạn; sớm cho ý kiến, chủ trương về sắp xếp các tổ chức hội...

Sở Nội vụ cần tập trung tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tháo gỡ các tồn tại, vướng mắc cho cơ sở

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Võ Trọng Hải ghi nhận, đánh giá cao những kết quả mà Sở Nội vụ đã đạt được, nhất là trong sáp nhập xã, cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức thành công cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh cho rằng, qua các ý kiến của các ngành, địa phương cho thấy, hiện nay, đang còn tồn tại nhiều vướng mắc, chưa được tháo gỡ kịp thời, nhất là liên quan đến công tác rà soát, bổ nhiệm cán bộ; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa được quan tâm đúng mức; tổ chức sắp xếp các phòng chuyên môn của các đơn vị sự nghiệp công lập còn xuất hiện một số chông chéo; vẫn còn tình trạng thừa thiếu cán bộ giữa các sở, ngành; việc luân chuyển cán bộ chưa thực hiện nghiêm túc; tinh giản biên chế chưa thực sự bền vững; công tác thanh tra, kiểm tra còn chưa thường xuyên... Những điều này, ít nhiều ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của các địa phương, đơn vị.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đề nghị trong thời gian tới, Sở Nội vụ cần tập trung nghiên cứu đề tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tháo gỡ các tồn tại, vướng mắc ở các địa phương, đơn vị nhất là trong đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ và sắp xếp bộ máy.

Thường xuyên thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện các sai phạm trong công tác đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương công vụ; tập trung hoàn chỉnh các nội dung về vị trí việc làm trong các đơn vị, địa phương làm cơ sở rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo bố trí đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính để phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp toàn bộ các kiến nghị cụ thể của các đơn vị, địa phương tại cuộc họp để báo cáo kịp thời lên Ủy ban nhân dân tỉnh và xin ý kiến của Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

*Nguồn: baohatinh.vn*

## QUẢNG NAM: SỞ CÔNG THƯƠNG ĐẠT NHIỀU KẾT QUẢ TRONG CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Thực hiện Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số

261/QĐ-SCT ngày 31/10/2018 về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Theo đó, Lãnh đạo Sở đã quán triệt tới toàn thể cán bộ, công chức, các phòng, đơn vị chuyên môn rà soát, thống kê, xây dựng và tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam công bố Quyết định 776/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

Ngoài ra, Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam thường xuyên cập nhật việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính sau khi được công bố; kết quả giải quyết thủ tục hành chính và việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về các quy định thủ tục hành chính, về cải cách hành chính trên cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương tại địa chỉ: [congthuong.quangnam.gov.vn](http://congthuong.quangnam.gov.vn) và Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: [dichvucong.quangnam.gov.vn](http://dichvucong.quangnam.gov.vn) tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tìm hiểu thông tin đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Với sự quan tâm, chỉ đạo của quyết liệt của Lãnh đạo Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam, kết quả trong 6 tháng đầu năm 2021, Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam đã giải quyết 5.103 hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến dịch vụ công mức độ 3, 4 trong tổng số 6.906 hồ sơ tiếp nhận chiếm tỷ lệ 74% hồ sơ thủ tục hành chính, điều đó cho thấy hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước tại Sở Công Thương, chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày được nâng cao thông qua việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, với các thủ tục hành chính được đơn giản theo hướng gọn, đơn giản, dễ thực hiện, tạo sự hài lòng cho người dân tham gia giải quyết thủ tục hành chính, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phát huy những kết quả đạt được, trong thời gian tới Sở Công Thương tỉnh Quảng Nam tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.

2. Triển khai thực hiện tốt Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 về phê duyệt danh mục thủ tục hành chính chuyển giao cho dịch vụ bưu chính công ích thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trong năm 2021.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính; Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến; hướng dẫn, khuyến khích cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo hình thức dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích.

4. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến mức độ 4 đối với toàn bộ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện với mục tiêu 140/140 thủ tục hành chính, đạt 100%.

*Nguyễn Thảo, Sở Nội vụ tỉnh Quảng Nam*

## QUẢNG NGÃI: HUYỆN BA TƠ KHẮC PHỤC TỒN TẠI TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Năm 2020, Chỉ số cải cách hành chính của huyện Ba Tơ xếp vị trí 11/13 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Quảng Ngãi. Để cải thiện vị trí, huyện Ba Tơ đã đề ra các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế.

Qua phân tích bảng Chỉ số cải cách hành chính năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ đã chỉ ra những hạn chế như: Có cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tham mưu một số nhiệm vụ chưa đạt yêu cầu, có nhiệm vụ không đạt theo kế hoạch đề ra; chưa ban hành kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2020 hoặc có ban hành, nhưng không đảm bảo tiến độ thời gian theo quy định.

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực hiện nghiêm túc và đầy đủ chế độ thông tin báo cáo định kỳ. Việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ trong kế hoạch cải cách hành chính chưa đảm bảo chỉ tiêu đề ra. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu. Chất lượng tham mưu soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật đạt chưa cao. Việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo ở một số cơ quan, đơn vị, nhất là cấp xã về lĩnh vực cải cách thể chế chưa đúng quy định...

Bên cạnh đó, việc cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế "một cửa", cơ chế một cửa liên thông còn nhiều tồn tại, hạn chế như có xã thực hiện việc rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính còn chậm so với quy định. Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính có nơi thực hiện chưa đúng quy định. Việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính vẫn còn tình trạng quá hạn. Bộ phận một cửa, nhất là cấp xã hoạt động chưa đạt yêu cầu về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cấp xã còn hạn chế...

Mặc dù, huyện Ba Tơ đã có nhiều nỗ lực trong xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cũng như trong cải cách chế độ công vụ, công chức, song việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số xã chưa nghiêm. Vẫn còn xã có công chức bị xử lý kỷ luật do vi phạm Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, chưa có sự đầu tư, nghiên cứu để chỉ đạo tổ chức hình thức tuyên truyền phù hợp. Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã chưa thật sự quan tâm đúng mức đến việc triển khai và tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính. Chế độ thông tin báo cáo của một số đơn vị và Ủy ban nhân dân một số xã còn chậm, chưa kịp thời, chất lượng chưa đảm bảo, còn mang tính hình thức. Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa nền hành chính hiệu quả chưa cao. Điều kiện về cơ sở vật chất ở một số xã chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác cải cách hành chính. Việc triển khai thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; Chỉ thị số 31/CT-UBND ở một số cơ quan và Ủy ban nhân dân xã chưa nghiêm.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tư Lữ Đình Tích cho biết: Để khắc phục những tồn tại nêu trên, năm 2021, huyện Ba Tư đưa việc cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm để chỉ đạo thực hiện. Do đó, ngay từ đầu năm, cấp ủy, chính quyền huyện đưa nhiệm vụ cải cách hành chính vào tiêu chí thi đua của từng cơ quan, đơn vị. Việc triển khai kế hoạch về công tác cải cách hành chính cũng được cụ thể hơn so với những năm trước đây, đảm bảo việc thực hiện ở địa phương. Huyện sẽ thành lập các đoàn thanh tra, kiểm tra việc các cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục những tồn tại, hạn chế trong năm 2020 đã được chỉ ra.

"Bên cạnh đó, huyện Ba Tư sẽ tập trung các nguồn lực đầu tư hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin; đào tạo, tập huấn cho đội ngũ công chức giải quyết thủ tục hành chính tiếp cận với công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính. Trong năm 2021, huyện Ba Tư cũng rà soát, đánh giá lại các thủ tục hiện hành; công khai hóa thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức...", ông Tích nhấn mạnh.

*Nguồn: baoquangngai.vn*

## KHÁNH HÒA: BẢO HIỂM XÃ HỘI TĂNG CƯỜNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

Bảo hiểm Xã hội tỉnh Khánh Hòa vừa có văn bản gửi các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh; các phòng nghiệp vụ; Bảo hiểm Xã hội các huyện, thị xã, thành phố về việc tăng cường giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Theo đó, Bảo hiểm Xã hội tỉnh đề nghị Bảo hiểm Xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết trực tuyến mức độ 4 đối với 25 thủ tục hành chính đã được công bố trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh và Cổng dịch vụ công Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; tiếp tục thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế với tất cả đơn vị sử dụng lao động, tổ chức, đại lý và cá nhân, thực hiện gửi trả kết quả bằng giấy (nếu có) qua đường bưu điện; bố trí công chức, viên chức nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp cần thiết. Đối với hồ sơ hoàn trả tiền bảo hiểm y tế hộ gia đình, bảo hiểm xã hội tự nguyện, người dân liên hệ với nhân viên đại lý thu để thực hiện qua giao dịch điện tử, ghi rõ số tài khoản ngân hàng của người được hoàn trả. Trường hợp cấp lại, cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế để cấp cứu hoặc điều trị bệnh kịp thời thì thực hiện giao dịch điện tử hoặc cài đặt ứng dụng Vss-ID để khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế thay thẻ bảo hiểm y tế giấy.

Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, tạm dừng tiếp nhận hồ sơ trực tiếp của tổ chức, cá nhân tại cơ quan bảo hiểm xã hội các huyện trên địa bàn đang xảy ra dịch, tạm cách ly, phong tỏa..., nếu cần thiết, người dân, người lao động có thể nộp hồ sơ đến cơ quan bảo hiểm xã hội nơi gần nhất qua đường bưu điện. Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp cần triển khai đến toàn bộ người lao động, người dân thực hiện cài đặt, sử dụng ứng dụng Vss-ID; mở



tài khoản giao dịch điện tử cá nhân. Người hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thực hiện nhận tiền qua chuyển khoản, ATM thông qua ứng dụng Vss-ID. Người hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng không sử dụng ứng dụng Vss-ID thì trực tiếp kê khai và nộp hồ sơ tại bưu điện nơi gần nhất để thực hiện chuyển đổi hình thức nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng từ tiền mặt sang chuyển qua tài khoản ngân hàng.

*Nguồn: baokhanhhoa.vn*

## BÀ RỊA - VŨNG TÀU: XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN THÂN THIỆN

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vừa có Quyết định số 1878/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch thực hiện “Chính quyền thân thiện, vì nhân dân phục vụ” trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nội dung: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về “Chính quyền thân thiện, vì nhân dân phục vụ”; xây dựng bảng khẩu hiệu (về văn hóa giao tiếp nơi công sở), mẫu thư (thư xin lỗi, thư cảm ơn, thư chúc mừng...) và phiếu khảo sát ý kiến của người dân, DN đối với sự phục vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp đẩy mạnh cải cách hành chính bằng việc đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính; đẩy mạnh cung cấp thủ tục hành chính mức độ 3, 4 trực tuyến để tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, quy định về văn hóa công vụ.

Kế hoạch này nhằm đổi mới lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan hành nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện tốt việc phục vụ người dân, doanh nghiệp khi đến giải quyết công việc hành chính. Qua đó, góp phần nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh.

*Nguồn: bariavungtau.com.vn*

## KIÊN GIANG: TRIỂN KHAI KẾT NỐI CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ DÂN CƯ PHỤC VỤ XỬ LÝ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Để triển khai kết nối Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử tỉnh Kiên Giang với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, ngày 06/7/2021 Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch số 129/KH-UBND triển khai kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Căn cứ Công văn số 1486/BTTTT-THH ngày 14/5/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về triển khai kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, Kế hoạch yêu cầu các cơ quan, đơn vị: Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ nhằm triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu, đảm bảo đúng tiến độ đề ra và an toàn thông tin; Đảm bảo hoạt động 24/7 của Cổng Dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử tỉnh, không làm ảnh hưởng đến hoạt động tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân trên hệ thống phần mềm; Các sở ngành, địa phương tích cực phối hợp triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

Kế hoạch tập trung vào 04 nội dung công việc cụ thể: (1) Về kết nối kỹ thuật; (2) Về đảm bảo an toàn thông tin mạng; (3) Nâng cấp, chỉnh sửa Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử; (4) Đăng ký triển khai thử nghiệm việc kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư. Thời gian thực hiện tháng 7 - 8/2021.

Kế hoạch cũng ban hành Danh mục dịch vụ thông tin được cung cấp từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm 11 dịch vụ công; Danh mục dịch vụ công trực tuyến ưu tiên triển khai thử nghiệm kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm 236 dịch vụ công, trong đó: Cấp tỉnh gồm 183 dịch vụ công; Cấp huyện gồm 36 dịch vụ công; Cấp xã gồm 17 dịch vụ công.

Kế hoạch phân công việc phối hợp, tổ chức thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị, trong đó Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai các nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch; Thường xuyên, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Kế hoạch nhằm nâng cao chất lượng xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tự động hóa trong việc xác minh, điền thông tin cá nhân, hạn chế việc người dân phải cung cấp, kê khai thông tin cá nhân nhiều lần và thủ công khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

*Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

### 1. Hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương (tính đến thời điểm 15/7/2020)

STT	Tiêu chí	Bộ, cơ quan ngang Bộ	Cơ quan thuộc Chính phủ	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
1	Tỷ lệ cơ quan nhà nước đã kết nối với mạng diện rộng (WAN)	97%	96%	91%
2	Tỷ lệ bộ/tỉnh:			
	- Có trung tâm dữ liệu	86,36% (19/22)	66,66% (4/6)	93,65% (59/63)
	- Có trung tâm dữ liệu dự phòng	59,09% (13/22)	50% (3/6)	50,79% (32/63)
	- Có phòng máy chủ	13,64% (3/22)	33,33% (2/6)	6,35% (4/63)
3	Tỷ lệ bộ/tỉnh đã triển khai mô hình điện toán đám mây	72,73% (16/22)	83,33% (5/6)	63,49% (40/63)

### 2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ, ngành, địa phương

2.1. Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử để cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp

Trực liên thông văn bản quốc gia: Từ ngày 12/3/2019 đến ngày 19/6/2020, có tổng số 520.426 văn bản điện tử gửi và 1.531.277 văn bản điện tử nhận trên Trực liên thông văn bản quốc gia. Ngoài 94/94 Bộ, ngành, địa phương, Trực liên thông văn bản quốc gia đã triển khai kết nối liên thông gửi, nhận văn bản điện tử với Văn phòng Trung ương Đảng, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia, các tổ chức chính trị - xã hội;

Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet): Từ ngày 24/6/2019 đến ngày 19/6/2020, Hệ thống đã phục vụ 16 Hội nghị, phiên họp của Chính phủ (thay thế việc in ấn, sao chụp hơn 52.000 tài liệu giấy) và thực hiện xử lý 385 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ thay thế việc phát hành 61.600 phiếu giấy, hồ sơ, tài liệu kèm theo.

Hiện nay, Hệ thống đang được tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường mạng;

Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ đã kết nối với hệ thống thông tin báo cáo và các hệ thống thông tin liên quan của 12 Bộ, cơ quan (Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ). Hiện, Văn phòng Chính phủ đang phối hợp với các bộ, cơ quan chuẩn hóa chế độ báo cáo; điện tử hóa các biểu mẫu báo cáo; rà soát, lựa chọn danh mục thông tin, tần suất báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành hàng ngày, hàng tháng của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Công văn số 4699/VPCP-KSTT ngày 12/6/2020 của Văn phòng Chính phủ;

Xây dựng Trung tâm một cửa hỗ trợ triển khai Chính phủ điện tử: Ngày 29/11/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông đã khai trương Trung tâm một cửa hỗ trợ triển khai Chính phủ điện tử để giải đáp các vướng mắc về Chính phủ điện tử, đô thị thông minh, an toàn, an ninh mạng.

2.2. Về việc xây dựng Chính phủ điện tử gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân

Các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá, cảnh báo nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng, cảnh báo tấn công mạng, hỗ trợ xử lý các sự cố, lộ lọt thông tin bí mật Nhà nước. Nhận thức của các cơ quan, tổ chức đã có bước chuyển biến, tình hình an toàn, an ninh mạng của Việt Nam được cải thiện.

Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá, giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử tiếp tục được đẩy mạnh. Trong năm 2019, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông ghi nhận được 5.176 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm 49,35% so với năm 2018. Trong tháng 6 năm 2020, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý 522 sự cố tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, tăng 18,9% so với tháng 5 năm 2020, tăng 5,5% so với cùng kỳ tháng 6 năm 2020. Trong Quý II năm 2020, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý tổng cộng 1.164 sự cố tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, tăng 36,5% so với Quý I năm 2020 và giảm 20,6% so với cùng kỳ Quý II/2019. Trong 6 tháng đầu năm 2020, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia đã ghi nhận 2.017 sự cố tấn công mạng, giảm 26% so với 6 tháng cuối năm 2019, và giảm 27,1% so với cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2019.

Nhằm hình thành một mạng lưới rộng khắp, giám sát liên tục và kịp thời cảnh báo về an toàn, an ninh mạng, ngày 29/11/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông đã khai trương Hệ thống Chia sẻ và Giám sát an toàn thông tin phục vụ Chính phủ điện tử với sự tham gia kết nối của 05 doanh nghiệp lớn và hơn 30 bộ, ngành, địa phương.



Để làm chủ và cung cấp các sản phẩm an toàn, an ninh mạng cho Chính phủ điện tử, ngày 28/12/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ra mắt Liên minh Phát triển Hệ sinh thái sản phẩm an toàn, an ninh mạng Việt Nam với sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc.

### 2.3. Xây dựng, tạo lập cơ sở dữ liệu, hệ thống nền tảng

#### a) Các cơ sở dữ liệu quốc gia

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Về tiến độ triển khai: Trong thời gian trước do khó khăn về nguồn vốn nên tiến độ triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đạt được kỳ vọng. Năm 2019, Bộ Công an đã tổ chức rà soát, đề xuất điều chỉnh nguồn vốn từ các dự án khác, dự án chưa cấp bách để bố trí khoảng 1.598 tỷ đồng. Phần vốn còn lại 1.487 tỷ đồng đã được Thủ tướng chỉ đạo sẽ được bố trí trong nguồn vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2020 - 2025. Như vậy, hiện tại các khó khăn về nguồn vốn đã được giải quyết.

Về cấp số định danh cá nhân: Đã mở rộng phạm vi các địa phương trên toàn quốc chính thức triển khai hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp từ 38 tỉnh lên 60 tỉnh, thành phố (tăng 22 địa phương so với năm 2018). Triển khai hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch tại các địa phương và thực hiện cấp số định danh cá nhân cho hơn 1.391.018 trường hợp đăng ký khai sinh năm 2019 tại 680 phòng tư pháp cấp huyện và 10.696 Ủy ban nhân dân cấp xã tại 60 tỉnh, thành phố.

Bộ Công an tiếp tục cấp thẻ Căn cước công dân cho công dân từ đủ 14 tuổi trở lên tại 16 tỉnh, thành phố. Từ năm 2012 đến nay đã cấp được 15 triệu trường hợp.

Về kết quả thu thập dữ liệu: Bộ Công an đã tiến hành thu thập và scan phiếu trên toàn quốc. Đến 12/2019 đã tiến hành quét phiếu tại 59 tỉnh với 80 triệu phiếu. Một số địa phương đã có dữ liệu (TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, tỉnh Tây Ninh), Bộ Công an đang tiến hành lên phương án chuyển đổi để đồng bộ với nguồn dữ liệu này.

Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia: Trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thúc đẩy triển khai việc hoàn thiện hành lang pháp lý và thực hiện dự án Tăng cường năng lực quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

Về hành lang pháp lý: Bộ Tài nguyên và Môi trường đang hoàn thiện và trình Chính phủ Nghị định quy định Hệ thống thông tin đất đai trong đó định vị vị trí, vai trò, phạm vi cơ sở dữ liệu đất đai.

Về triển khai dự án Tăng cường năng lực quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia. Bộ đang triển khai hoàn thiện điều chỉnh thiết kế cơ sở cho dự án để phù hợp với tình hình thực tế. Dự án sẽ triển khai xây dựng cho 30 tỉnh. Số còn lại, Bộ sẽ tiếp tục thực hiện Đề án để xây dựng và hoàn thiện dữ liệu.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp: Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và chính thức đưa vào vận hành trên toàn quốc từ năm 2010. Đến cuối năm 2018, Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp hiện đang lưu trữ thông tin về đăng ký kinh doanh của hơn một triệu doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc trên toàn quốc và được kết

nổi chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực với Hệ thống thông tin của Tổng cục Thuế để cấp mã số doanh nghiệp.

Hiện nay, Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp đang thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống dịch vụ công của Bộ Giao thông vận tải và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính: Ngày 01/11/2016, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký ban hành Quyết định số 2376/QĐ-BTC phê duyệt Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính”. Đề án đã xác định mô hình tổng thể xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính; quy định về mục tiêu, quy mô, phạm vi, đối tượng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính; mối quan hệ giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và thành phần thông tin cơ bản của Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính; đánh giá sơ bộ tính khả thi, hiệu quả của việc xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính.

Thực hiện Quyết định số 2376/QĐ-BTC ngày 01/11/2016, nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách để triển khai Đề án “Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính”, Bộ Tài chính đã thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án; ban hành Kế hoạch triển khai Đề án tại Quyết định số 1078/QĐ-BTC ngày 09/6/2017 của Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm: Ngày 14/5/2020, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 71/NQ-CP về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm. Hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang thực hiện triển khai xây dựng dự thảo Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và sẽ trình Chính phủ trong tháng 9 năm 2020.

Nghị định dự định sẽ quy định phạm vi của cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, cập nhật, khai thác dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm và trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

Về việc tạo lập dữ liệu xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, trong thời gian qua, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã xây dựng các cơ sở dữ liệu nghiệp vụ chuyên ngành làm gốc để hình thành nên Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm như cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế; cơ sở dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ; cơ sở dữ liệu quản lý và giải quyết hưởng chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã thu thập được thông tin cá nhân của 93 triệu người. Tuy nhiên, các dữ liệu này mới đang nằm trong các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của bảo hiểm xã hội. Trong thời gian tới, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam sẽ thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm để bảo đảm Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm sẽ là cơ sở dữ liệu lõi, làm cơ sở để đồng bộ giữa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo hiểm và tham chiếu đến các cơ sở dữ liệu quốc gia khác.

b) Các cơ sở dữ liệu, nền tảng khác

Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc: Tính đến ngày 18/6/2020, Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp đã được triển khai tại 61/63 tỉnh với gần 18.000 lượt công chức tư pháp hộ tịch tại 10.869 Ủy ban nhân dân cấp xã, 693 Phòng Tư pháp và 61 Sở Tư pháp.

Cơ sở dữ liệu giáo dục: Gồm thông tin của 53.000 trường học.

Cơ sở dữ liệu danh mục dùng chung của Bộ Y tế: gồm 10.000 đầu thuốc, 41.000 cơ sở kinh doanh dược.

Cơ sở dữ liệu của Bộ Khoa học và Công nghệ: quản lý thông tin 34.000 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và gần 30.000 các tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước tiếp tục được nâng cấp, góp phần tạo mạng kết nối các ứng dụng công nghệ thông tin được an toàn, hiện nay, đã kết nối đến 100% các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 93,4% quận, huyện, thị xã; 100% tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

Về Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia được xây dựng, từng bước kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương. Hết tháng 6 năm 2020, khoảng 65,21% các bộ, ngành, địa phương đã xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo, thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp Việt xây dựng các nền tảng cho phát triển Chính phủ điện tử, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt trong thời gian dịch COVID-19 đã kịp thời khai trương nhiều nền tảng quan trọng: Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa (khai trương ngày 18/4/2020); Nền tảng tư vấn sức khỏe VOV Bacsu24 (khai trương ngày 24/4/2020); Nền tảng mã địa chỉ bưu chính - Vpostcode (khai trương ngày 07/5/2020); Nền tảng hội nghị trực tuyến Zavi (khai trương ngày 15/5/2020); Nền tảng điện toán đám mây Việt Nam (phát động chiến dịch chuyển đổi số bằng nền tảng điện toán đám mây Việt Nam ngày 22/5/2020); Nền tảng hội nghị trực tuyến Comeet (khai trương ngày 29/5/2020); Nền tảng quản trị tổng thể doanh nghiệp 1Office (khai trương ngày 12/6/2020); Nền tảng công nghệ xử lý giọng nói tiếng Việt ứng dụng trí tuệ nhân tạo VAIS và Vbee (khai trương ngày 19/6/2020); Nền tảng cung cấp dịch vụ Trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC) đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ thông tin (khai trương ngày 03/7/2020).

### **3. Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp**

#### **3.1. Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

##### **a) Tổng số thủ tục hành chính công**

<b>Tổng số thủ tục hành chính công</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Quý I/2020</b>	<b>Quý II/2020</b>
- Cả nước	125.965	124.598	122.780
- Bộ, ngành	4.798	4.827	4.724
- Địa phương	121.167	119.771	118.056

b) Số lượng về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4

Tiêu chí	Mức độ	Năm 2019	Quý I/2020	Quý II/2020
Số lượng dịch vụ công trực tuyến	Mức 3 cả nước	37.206	37.679	38.833
	- Bộ, ngành	762	838	795
	- Địa phương	36.444	36.841	38.038
	Mức 4 cả nước	13.559	15.203	17.959
	- Bộ, ngành	859	929	1325
	- Địa phương	12.700	14.274	16.634
	Dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 cả nước	50.765	52.882	56.792
	- Bộ, ngành	1.621	1.767	2.120
	- Địa phương	49.144	51.115	54.672
Số lượng dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	Mức 3 cả nước	4.862	8.980	10.813
	- Bộ, ngành	282	322	348
	- Địa phương	4.580	8.658	10.465
	Mức 4 cả nước	2.592	4.033	5.115
	- Bộ, ngành	634	746	803
	- Địa phương	1.958	3.287	4.312
	Dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ 3, 4 cả nước	7.454	13.013	15.928
	- Bộ, ngành	916	1.068	1.151
	- Địa phương	6.538	11.945	14.777

c) Hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Tiêu chí	Dịch vụ công trực tuyến	Năm 2019	Quý I/2020	Quý II/2020
Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 3 cả nước	29,64%	30,24%	31,63%
	- Bộ, ngành	15,88%	17,36%	16,83%
	- Địa phương	30,08%	30,76%	32,22%
	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 4 cả nước	10,76%	12,20%	14,63%
	- Bộ, ngành	17,90%	19,25%	28,05%



<b>Tiêu chí</b>	<b>Dịch vụ công trực tuyến</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Quý I/2020</b>	<b>Quý II/2020</b>
	- Địa phương	10,48%	11,92%	14,09%
	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 cả nước	40,40%	42,44%	46,26%
	- Bộ, ngành	33,78%	36,61%	44,88%
	- Địa phương	40,56%	42,68%	46,31%
Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 3 cả nước	13,15%	23,83%	27,84%
	- Bộ, ngành	37,05%	38,42%	43,77%
	- Địa phương	12,57%	23,35%	27,51%
	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 4 cả nước	19,10%	26,53%	29,42%
	- Bộ, ngành	73,89%	80,03%	82,67%
	- Địa phương	15,42%	23,40%	26,32%
	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 cả nước	14,63%	24,61%	28,34%
	- Bộ, ngành	55,18%	60,44%	64,12%
- Địa phương	13,19%	23,38%	27,15%	
Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến		-	17,93%	19,30%
- Bộ, ngành			22,18%	24,05%
- Địa phương			13,68%	14,56%

Ghi chú: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến cũng là một chỉ số đo lường quan trọng. Bộ Thông tin và Truyền thông mới thực hiện đo bổ sung từ Quý I/2020 cũng cho thấy sự tăng trưởng qua các tháng.

### 3.2. Các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp

Công dịch vụ công quốc gia: Từ ngày 09/12/2019 đến ngày 19/6/2020, đã có trên 171 nghìn tài khoản, trên 44 triệu lượt truy cập, trên 9,9 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái, trên 131 nghìn hồ sơ được thực hiện qua Cổng dịch vụ công quốc gia; tiếp nhận hỗ trợ trên 14 nghìn cuộc gọi; tiếp nhận trên 6,5 nghìn phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; đã tích hợp được 596 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Hiện đã kết nối tích hợp với Cổng dịch vụ công của 17 Bộ, cơ quan (còn Bộ Công an, Bộ Nội

vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Dân tộc). Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải đã kết nối với nền tảng thanh toán phục vụ việc nộp phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ. Bên cạnh đó, để tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp trong việc sử dụng Công Dịch vụ công quốc gia, sáng ngày 19/5/2020 và chiều ngày 12/6/2020, Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ phối hợp với Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam tổ chức thành công 02 Hội nghị trực tuyến “Giới thiệu Công dịch vụ công Quốc gia và các lợi ích dành cho doanh nghiệp”.

Thực hiện kết nối mạng các cơ sở cung ứng thuốc nhằm tăng cường quản lý, kiểm soát thuốc đối với cơ quan quản lý, các cơ sở cung ứng thuốc và cơ sở y tế: Đến nay đã có 63/63 tỉnh, thành phố đã triển khai phần mềm quản lý; trong đó có 56.817/61.000 cơ sở kết nối liên thông (nhà thuốc, quầy thuốc) đạt 93,1%; với nhà thuốc, có 21.000/21.000 nhà thuốc đã triển khai phần mềm, đạt 100%; với quầy thuốc, có 31.055/40.000 quầy thuốc đã triển khai phần mềm, đạt 77,6%.

Xây dựng và triển khai quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử đến từng người dân, thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin cơ bản với dữ liệu quốc gia về dân cư: Đến nay, Bộ Y tế đã triển khai phần mềm hồ sơ sức khỏe tại 08 tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Phú Yên, Bình Dương, Nam Định, Thái Bình, Lâm Đồng, Phú Thọ.

#### **4. Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử, đô thị thông minh**

##### **4.1. Xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử**

Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng, ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam phiên bản 1.0; ngày 31/12/2019, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0.

Hiện nay, đã có 19/22 Bộ, cơ quan ngang Bộ; 61/63 Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng, ban hành Kiến trúc và đang tổ chức triển khai, thực hiện.

##### **4.2. Xây dựng đô thị thông minh**

Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 Ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (Phiên bản 1.0).

Đến nay, đã có 03 địa phương đã ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh bao gồm các tỉnh: Quảng Ninh, Đà Nẵng, Thái Nguyên. Một số địa phương khác đang xây dựng: TP. Hồ Chí Minh, Thái Bình, Đắk Lắk, Lào Cai, Yên Bái.

#### **5. Tồn tại, hạn chế**

Ngoài các kết quả tích cực, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng Chính phủ điện tử vẫn còn một số tồn tại, hạn chế căn bản:

Tình trạng cát cứ dữ liệu vẫn còn phổ biến ở các bộ, ngành, địa phương; mô hình, giải pháp triển khai chưa đồng bộ, mức độ quan tâm chỉ đạo triển khai còn khác nhau giữa các ngành, các địa phương; người dân sử dụng dịch vụ còn hạn chế, hoạt động của các cơ quan nhà nước vẫn chủ yếu dựa trên giấy tờ, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cung cấp chưa

nhiều, việc số hóa để ra quyết định dựa trên dữ liệu còn rất hạn chế; an toàn, an ninh mạng chưa được quan tâm đúng mức,...

Một số nguyên nhân: Một số Nghị định quan trọng tạo hành lang pháp lý cho triển khai Chính phủ điện tử chưa được ban hành (bảo vệ dữ liệu cá nhân; quy định về định danh, xác thực điện tử). Một số cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử chưa được triển khai, đặc biệt là về dân cư, đất đai. Giải pháp thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu chậm triển khai. Công tác truyền thông về phát triển Chính phủ điện tử chưa được chú trọng. Lãnh đạo một số cơ quan nhà nước chưa quan tâm, làm gương, chỉ đạo sát sao; nhiều cán bộ, công chức chậm thay đổi lề lối làm việc để ứng dụng công nghệ thông tin; nhiều người dân, doanh nghiệp thiếu kỹ năng số để truy cập thông tin, dịch vụ. Nguồn lực tài chính cho triển khai Chính phủ điện tử còn hạn chế.

## **6. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2021 - 2030**

### **6.1. Định hướng giai đoạn 2021 - 2030**

Để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số, trong giai đoạn 2021 - 2025 tập trung phát triển theo quan điểm, định hướng như sau:

Thứ nhất, chuyển đổi toàn bộ hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số; coi chuyển đổi số là bắt buộc, mang tính mặc định, chuyển đổi số phải toàn trình, từ đầu đến cuối trong triển khai hoạt động của cơ quan nhà nước. Cơ quan nhà nước sử dụng dữ liệu và các công nghệ số để ra quyết định và quản lý xã hội hiệu quả hơn, tạo nền tảng và dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia.

Thứ hai, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; minh bạch hóa, tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào hoạt động của cơ quan nhà nước. Giảm bớt thủ tục hành chính. Hình thành văn hoá số, người dân có thói quen sử dụng dịch vụ số.

Thứ ba, kết hợp hài hoà mô hình tập trung và phân tán; tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam. Các nền tảng dùng chung cho Chính phủ số phải được làm trước, làm tốt, làm tập trung sau đó nhân rộng; phát triển các nền tảng theo hướng dịch vụ có thể sử dụng mọi nơi, không phân biệt cấp chính quyền.

Thứ tư, dữ liệu cần được quản lý như là tài nguyên quan trọng, cần phải được chia sẻ một cách tối đa trong các cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Thứ năm, mục tiêu kép là gắn phát triển Chính phủ số với phát triển các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam. Doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam làm chủ các công nghệ lõi, làm chủ các nền tảng mở phục vụ Chính phủ số. Các doanh nghiệp có thể tham gia quá trình cung cấp dịch vụ hành chính công.

### **6.2. Giải pháp chính**

Một số định hướng nhiệm vụ, giải pháp: Hoàn thiện môi trường pháp lý: Xác định những văn bản pháp lý quan trọng tập trung ưu tiên hoàn thiện; Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia cho Chính phủ số Việt Nam: Tập trung phát triển

hạ tầng truyền dẫn, lưu trữ dữ liệu, các cơ sở dữ liệu, nền tảng quốc gia; Phát triển nhân lực, đào tạo kỹ năng số, đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng công cụ đo lường, đánh giá.

*Nguồn: Báo cáo chuyên đề của Bộ Thông tin và Truyền thông tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ*



## BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: PHÁT BIỂU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Chuyển đổi số nhằm làm cho chính quyền hiện đại hơn, thông minh hơn và có sức chống chịu cao hơn.

**Lời toà soạn:** Tại diễn đàn "Đối thoại Phát triển địa phương 2021" diễn ra ngày 13/7, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng đã có bài phát biểu về vai trò của chuyển đổi số. Báo điện tử VietnamNet xin trân trọng giới thiệu đến độc giả toàn văn bài phát biểu.

Kỷ nguyên số hoá đã bước vào giai đoạn ba. Giai đoạn một là số hoá thông tin. Thí dụ của nó là văn bản giấy thì được số hoá và lưu trữ, xử lý trên máy tính. Giai đoạn hai là số hoá quy trình, số hoá từng chức năng theo chiều dọc, còn gọi là ứng dụng công nghệ thông tin. Thí dụ của nó là phần mềm quản trị nhân lực. Giai đoạn ba là số hoá tổ chức, là số hoá theo chiều ngang, là đưa toàn bộ hoạt động của tổ chức lên môi trường số, là thay đổi cách vận hành của tổ chức, còn gọi là chuyển đổi số. Thí dụ của nó là không còn việc cấp dưới báo cáo cấp trên, cấp trên muốn có thông tin gì, phân tích gì thì dùng phần mềm để khai thác kho dữ liệu của tổ chức.

Chuyển đổi số ở Việt Nam có sự khác biệt. Vì nhiều việc của giai đoạn một, giai đoạn hai vẫn chưa xong. Nhưng không nhất thiết phải xong giai đoạn một mới đến hai rồi mới đến ba, mà là ba trong một luôn. Đặc điểm lớn nhất của chuyển đổi số ở Việt Nam là ba trong một. Thực hiện chuyển đổi số cả tổ chức cùng với việc số hoá dữ liệu (thí dụ như số hoá các văn bản lưu trữ), cùng với việc số hoá quy trình (thí dụ như số hoá công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán). Ba trong một cùng với việc sử dụng những công nghệ số mới nhất sẽ giúp cho công cuộc chuyển đổi số nhanh hơn và rẻ hơn. Cái may mắn của Việt Nam là giai đoạn một và hai chưa làm được nhiều và vì vậy mà có cơ hội ứng dụng những nền tảng số hiện đại nhất để đẩy nhanh chuyển đổi số.

Chuyển đổi số thì 70% là quyết tâm chính trị, là quyết liệt triển khai của lãnh đạo, là tri thức của hệ thống chính quyền. Công nghệ chỉ chiếm 30%. Chuyển đổi số là máy tính thay lao động trí óc. Chúng ta phải dạy cho máy tính trước về tri thức của chúng ta rồi máy tính sẽ tự học tiếp dựa trên dữ liệu mới. Có nghĩa là sự thông minh của máy tính thì đầu tiên là do tri thức của hệ thống chính quyền. Những người xuất sắc nhất của chính quyền phải tham gia cùng với những người làm công nghệ. Và tiếp theo, chính quyền địa phương càng dùng nhiều thì hệ thống càng thông minh lên. Tóm lại là: Lãnh đạo thì quyết tâm làm; chuyên viên thì chuyển giao tri thức cho máy tính; doanh nghiệp công nghệ thì tạo ra nền tảng số; cán bộ công chức thì làm việc trên nền tảng số.

Khi nói chuyển đổi số là nói đến chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Cách tốt nhất để đánh giá chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là xem nó phản ứng như thế nào với những tình huống đặc biệt, thí dụ như COVID-19: có nhanh và hiệu quả không?

COVID thì giảm tiếp xúc, có khi giãn cách xã hội hoặc cách ly. Chính quyền số là chính quyền có có khả năng cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến.

COVID thì không đến siêu thị được, không mang quả vải ra chợ bán được. Kinh tế số là các sàn thương mại điện tử, là giao hàng tận nhà, là quả vải của bà con có thể bán đến mọi hộ gia đình Việt Nam, nơi xa nhất cũng chỉ mất 2 ngày và quả vải vẫn còn tươi.

COVID thì không đến cơ quan. Nhưng các nền tảng số sẽ giúp chúng ta làm việc tại nhà, họp trực tuyến.

COVID thì không đi học được. Học trực tuyến là mức tối thiểu. Mức cao hơn là chính quyền có cho phép 20 - 30% số môn được học online, thi online không? Nhà nước có cấp phép cho đại học số không? Để gần như 100% là học online, thi online, ai ở đâu cũng được, học lúc nào cũng được, thực hành phòng lab ảo lúc nào cũng được, thi lúc nào cũng được và khi đủ tín chỉ, chứng chỉ thì cấp bằng.

COVID thì hạn chế đến bệnh viện. Vậy, có ứng dụng nào để người dân có thể tư vấn khám chữa bệnh từ xa không? Một người nông dân ở một xã biên giới xa xôi có thể tiếp cận online với bác sỹ chuyên khoa hàng đầu cả nước không? Nếu có thì đó là xã hội số.

Một người F0 sẽ bị truy vấn 14 ngày qua đã tiếp xúc những ai, đã đi qua những đâu. Nhưng làm sao mà người đó có thể nhớ nổi 14 ngày. Vậy là dễ mang tội khai báo không trung thực. Vậy chính quyền có công nghệ truy vết nào giúp họ nhớ lại không? Thí dụ, mạng di động sẽ ghi nhận đã đi qua các khu phố nào, QRC sẽ ghi nhận đã ra vào các cơ sở nào, Bluezone sẽ ghi lại các tiếp xúc gần. Việc truy vết sẽ trở lên rất đơn giản và chính xác, đỡ vất vả cho cả chính quyền và người dân. Truy vết nhanh và chính xác thì không phải giãn cách diện rộng, không phải cách ly, phong tỏa nhiều, và vì thế, các hoạt động kinh tế - xã hội vẫn có thể diễn ra. Đó là chính quyền số.

Chúng ta đi xét nghiệm và đi tiêm vắc xin, phải xếp hàng dài và chen chúc nhau để đến lượt, để lấy tờ giấy chứng nhận, nguy cơ lây nhiễm lại tăng cao hơn. Vậy có cách nào để đăng ký trước, đến giờ thì đến, và cấp chứng nhận điện tử về xét nghiệm và tiêm vắc xin qua điện thoại di động không? Nếu có thì đó là chính quyền số.

COVID-19 chính là cú huých trăm năm để đẩy nhanh chuyển đổi số. Việt Nam cần tận dụng được món quà này của Covid để Việt Nam thuộc nhóm quốc gia đi đầu trong chuyển đổi số, để sau COVID chúng ta sẽ xuất hiện ở một trạng thái mới - một xã hội được số hoá toàn diện.

Thế giới bây giờ phẳng và mở và vì thế mà cũng mong manh, dễ bị tổn thương. Kinh tế toàn cầu thì cũng kéo theo dịch bệnh toàn cầu. Phản ứng nhanh hơn và hiệu quả hơn với những thay đổi nhanh, phức tạp và khó lường là dấu hiệu của quản trị hiện đại. Bị quật ngã nhưng đứng dậy nhanh là dấu hiệu của chính quyền có sức chống chịu cao. Mỗi thách thức mới lại tạo ra một sự phát triển mới, đó là chính quyền thông minh. Chuyển đổi số là nhằm làm cho chính quyền hiện đại hơn, thông minh hơn và có sức chống chịu cao hơn.

Bây giờ, tôi xin phép được nói về một số thí dụ chuyển đổi số ở quy mô lớn hơn. Nói về chuyển đổi số thì tốt nhất vẫn là thông qua các thí dụ.

Chuyển đổi số là để giải quyết bài toán rất nan giải hiện nay là: Chúng ta đang làm việc hybrid, tức là nửa trên máy tính, nửa ngoài máy tính. Và, vì vậy, rất khó kiểm soát hoạt động

của nhân viên. Nếu làm bằng giấy cả 100% thì dễ kiểm soát hơn là nửa này, nửa kia. Và vì vậy, nhiệm vụ của chuyển đổi số là đưa mọi hoạt động của chính quyền lên môi trường số. Nhân viên sẽ làm việc chỉ trên một môi trường duy nhất, kết thúc giai đoạn hàng chục năm qua là nửa này nửa kia.

Giai đoạn 2, giai đoạn ứng dụng công nghệ thông tin, là số hoá các quy trình. Trong một tổ chức thì có quy trình đã số hoá, có quy trình chưa, nếu các quy trình đã số hoá hết thì lại chưa có liên kết ngang. Và vì vậy mà dẫn đến nửa này nửa kia. Giai đoạn ứng dụng công nghệ thông tin chính là giai đoạn hybrid. Chuyển đổi số là để kết thúc giai đoạn hybrid này. Sứ mệnh của nó là vậy.

Chúng ta đang chuyển từ thế giới thực vào thế giới online. Những gì chúng ta đang làm trong thế giới thực thì sẽ có một phiên bản như vậy trên môi trường số. Một trong những việc quan trọng nhất của chính quyền là cung cấp dịch vụ công. Bởi vậy, việc đầu tiên của chính quyền online là 100% dịch vụ công lên online. Hiện nay, 60% dịch vụ công của các bộ ngành và địa phương đã lên online. Mục tiêu là 100% vào cuối năm nay. Các địa phương nào muốn làm nhanh, trong 1 - 2 tháng đạt 100% dịch vụ công trực tuyến thì liên hệ với Cục Tin học hoá của Bộ Thông tin và Truyền thông để được hỗ trợ.

Người Việt chúng ta thì ứng biến nhanh nhưng kiến thức nền tảng thì ít chú ý. Các quyết định nhiều khi là trực quan, ít dựa trên sở cứ và dữ liệu. Vậy có cách nào khắc phục không? Nếu mỗi chúng ta đều có một trợ lý am hiểu luật pháp và nghiệp vụ, làm việc 24/7 và lúc nào cũng bên cạnh ta, thì các tai nạn pháp lý, nghiệp vụ sẽ giảm thiểu rất đáng kể. Đó là trợ lý ảo nhưng giao diện với chúng ta là bằng ngôn ngữ nói tự nhiên thông qua điện thoại thông minh. Đây là các trợ lý chuyên ngành hẹp nên rất dễ làm cho nó thật thông minh. Càng dùng nhiều thì trợ lý này sẽ càng thông minh và trợ giúp càng đắc lực. Tỉnh có 30.000 cán bộ, công chức viên chức thì sẽ được bổ sung thêm 30.000 lao động nữa, mà lại là lao động có chuyên môn và chuyên nghiệp. Chất lượng công việc tăng lên và chất lượng cuộc sống cũng tăng lên. Chuyển đổi số thường là cách tốt nhất để giải quyết các bài toán mục tiêu kép.

Có một khó khăn khác nữa của bất kỳ địa phương nào là đào tạo quy trình làm việc. Con người bây giờ có quá nhiều mối quan tâm và vì thế rất khó chú tâm vào một việc. Học thì nhanh quên. Và lại có quá nhiều thứ phải học. Cứ mỗi lần có thay đổi gì, về quy định mới hay quy trình làm việc mới, là lại phải đào tạo, huấn luyện hàng chục, hàng trăm ngàn người. Vậy có cách nào không đào tạo mà vẫn là đào tạo không? Nếu như mọi người đều làm việc trên một nền tảng số, các quy định và quy trình làm việc đều đã được tích hợp vào trong nền tảng này, mọi hoạt động đều diễn ra trên nền tảng này, tách ra khỏi nền tảng là không làm việc được, các bước đã được lập trình và con người chỉ phải ra quyết định "Yes or No" ở từng bước thì cái hay quên nhất, dễ nhầm nhất là quy trình thì không bao giờ bị sai vì máy đã nhớ hộ con người. Và khi có một thay đổi mới, một quy trình mới thì chỉ cần lập trình lại nền tảng, và ngày hôm sau thì cả trăm ngàn người sẽ làm việc theo quy trình mới giống nhau như một, như là đã qua cả năm đào tạo, đó là vì không theo quy trình mới thì máy tính không chạy. Và, đây cũng là cách tốt nhất để nâng cao mặt bằng của đội ngũ công viên chức nhà nước.

Việc của con người là ra các quyết định để đạt mục tiêu cuối cùng. Mục tiêu của chúng ta không phải là quy trình. Nhưng quy trình thì phải tuân thủ. Nếu không có sự trợ giúp để làm đúng quy trình thì mọi chú ý của con người sẽ tập trung vào quy trình và khi đó quy trình trở thành mục tiêu. Máy tính và công nghệ số sẽ giúp chúng ta quay về với giá trị đích thực của con người là ra các quyết định đúng để đạt mục tiêu cuối cùng chứ không phải là tuân thủ các quy trình.

Đào tạo tri thức chuyên môn sẽ là một khó khăn nữa đối với bất kỳ tổ chức nào. Tổ chức đào tạo tập trung thì tốn kém và cán bộ công chức bận việc cũng rất khó tìm được thời gian đi học. Cán bộ lãnh đạo thì còn ít thời gian hơn nữa để đi học. Và kết quả là cán bộ của ta ít được cập nhật kiến thức, làm việc theo kinh nghiệm. Nhưng nếu có một nền tảng đào tạo online, đưa nội dung đào tạo lên nền tảng, mọi người có thể tự học, tự thi lúc rảnh rỗi thì vấn đề sẽ được giải quyết. Mỗi quý có thể yêu cầu mỗi cán bộ công chức học một khoá ngắn và phải thi đạt yêu cầu. Nội dung gì thì do địa phương quyết định. Có bộ phận thiết kế nội dung cho sinh động. Nền tảng đã có sẵn các công cụ hỗ trợ thiết kế nội dung nên công việc làm nội dung cũng đơn giản đi nhiều. Nền tảng cũng hỗ trợ việc thi online. Một quý 90 ngày, ai muốn học, muốn kiểm tra bất kỳ lúc nào cũng được. Linh hoạt như vậy thì cán bộ công chức sẽ rất vui vẻ để học. Các địa phương cần có một nền tảng đào tạo trực tuyến.

Chuyển đổi số thì phải luôn hướng tới người dân. Chúng ta đã nói đến các nền tảng số cho chính quyền. Chúng ta có nên phát triển các nền tảng số để hỗ trợ người dân không? Người dân luôn là mục tiêu cuối cùng của chúng ta. Hỗ trợ người dân tốt thì cũng sẽ giảm tải cho cả hệ thống chính quyền. Bởi vậy, việc xây dựng các nền tảng hỗ trợ người dân nên được coi là công việc của chính quyền. Chuyển đổi số chính quyền thì nội dung quan trọng là chuyển đổi số đối tượng phục vụ của chính quyền. Công khai thông tin để người dân có thể truy cập qua mạng là bước đầu tiên. Một trợ lý ảo để người dân có thể hỏi về các vấn đề pháp lý, về dịch vụ công của chính quyền là bước tiếp theo. Một nhà tư vấn ảo, người dân đưa vào các thông tin để hỏi nhà tư vấn này xem nên làm gì, là chuyển đổi số mức cao. Tất cả những nội dung này nghe thì có vẻ phức tạp nhưng thực tế triển khai thì không phức tạp và có thể mang lại giá trị thực tiễn rất lớn cho người dân.

Các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam hoàn toàn có thể phát triển các nền tảng này. Vấn đề còn lại là chính quyền thay đổi, điều chỉnh thể chế để chấp nhận các mô hình vận hành mới trên không gian mạng. Bởi vậy mà nhiều người nói, chuyển đổi số là cuộc cách mạng về thể chế nhiều hơn là cuộc cách mạng về công nghệ.

Tại sao nhiều dự án công nghệ thông tin không thành công, không mang lại hiệu quả như mong muốn? Không phải do công nghệ thông tin khó mà lại là do công nghệ thông tin dễ. Để viết được một sản phẩm công nghệ thông tin 4 - 5 điểm, tức là chạy được, thì rất nhiều người làm được, nhà nhà có thể làm được. Nhưng sản phẩm công nghệ thông tin 4 - 5 điểm mà đưa vào sử dụng thì bất tiện hơn là không có, và vì vậy, không được đón nhận. Chỉ có sản phẩm công nghệ thông tin xuất sắc thì mới thay thế được cách làm cũ. Nhưng một sản phẩm công nghệ thông tin xuất sắc thì lại rất không dễ, số người có thể làm được giảm xuống đáng kể. Bởi vậy mà việc chọn đúng người làm có ý nghĩa quyết định đến thành công của một dự án công nghệ thông tin.



Một trong những yếu tố quyết định thành công và hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin là hãy biến nó thành một nền tảng làm việc của toàn bộ tổ chức, nếu không vào nền tảng này là không làm việc được, mọi hoạt động của công viên chức phải được thực hiện trên nền tảng, không còn công việc nào diễn ra ngoài nền tảng. Và cũng vì vậy mà có thể giao việc cho từng người trên nền tảng, theo dõi kết quả công việc trên nền tảng theo thời gian thực, đánh giá tự động kết quả công việc của từng đơn vị cũng như của từng người, cũng là trên nền tảng. Quản trị thực thi sẽ rất khó thực hiện nếu như mọi người không làm việc trên một nền tảng số dùng chung.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## TỪNG BƯỚC CHUYỂN ĐỔI SỐ, LẤY NGƯỜI DÂN LÀM TRUNG TÂM

Lộ trình chuyển đổi số của ngành Bảo hiểm Xã hội có khối lượng công việc rất lớn nên cần có lộ trình, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, lấy người dân, người lao động, người sử dụng lao động làm trung tâm.

Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam Nguyễn Thế Mạnh nhấn mạnh tại Hội nghị về công tác chuyển đổi số của ngành Xã hội Việt Nam tổ chức theo hình thức trực tuyến chiều ngày 13/7.

### **Nền tảng đã sẵn sàng**

Thông tin về công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và triển khai nâng cấp dịch vụ, tiện ích ứng dụng “VssID - Bảo hiểm xã hội số”, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin Lê Nguyên Bồng khẳng định, đây là những nền tảng quan trọng phục vụ công tác chuyển đổi số của ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

Về công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Trong đó, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã rà soát, chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Ngành để cung cấp cho cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; đẩy mạnh công tác phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để đồng bộ, hoàn thiện cơ sở dữ liệu, cụ thể: phối hợp với Cục Tin học hóa (Bộ Thông tin và Truyền thông) xây dựng văn bản quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cấu trúc dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ thông tin của cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo hiểm.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cũng phối hợp với Bộ Công an hoàn thiện Quy chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Bộ Công an quản lý; Ký cam kết bảo đảm an ninh, an toàn và bảo mật thông tin trong kết nối đến cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với đơn vị và từng cá nhân tham gia vào hệ thống theo yêu cầu của Bộ Công an...



Đến nay, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã thực hiện việc rà soát đối chiếu hàng triệu thông tin cá nhân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày 28/5/2021, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã chính thức triển khai việc xác thực thông tin công dân từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan bảo hiểm xã hội trên Cổng dịch vụ công Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và trên ứng dụng VssID.

Từ khi ra mắt đến nay, ứng dụng VssID đã không ngừng được cải tiến, nâng cấp. Hiện ứng dụng có nhiều tính năng, tiện ích phục vụ linh hoạt các nhu cầu thông tin thiết yếu của người tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm y tế; quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm y tế; thông tin hưởng các chế độ một lần (ốm đau, thai sản); sổ khám chữa bệnh cung cấp lịch sử khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của người tham gia...

Đặc biệt, sau 2 lần nâng cấp, ứng dụng VssID đã có thêm nhiều tính năng tiện dụng như: Cho phép người dùng đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan bảo hiểm xã hội (đăng ký trên ứng dụng, không qua Cổng dịch vụ công; hỗ trợ tra cứu, quét mã QR thẻ bảo hiểm y tế/thẻ căn cước công dân để tự động điền các thông tin mã số bảo hiểm xã hội, họ tên, số căn cước công dân, địa chỉ; bổ sung lựa chọn gửi email tờ khai...);... Với phiên bản mới, ứng dụng thêm tính năng cho phép người dùng đăng ký tài khoản giao dịch điện tử cho con dưới 18 tuổi; tính năng hiển thị hình ảnh cá nhân tại màn hình "Sử dụng thẻ bảo hiểm y tế" giúp việc sử dụng hình ảnh thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng để khám chữa bệnh thêm thuận tiện, chặt chẽ.

### **Lộ trình cụ thể, lấy người dân làm trung tâm**

Từ những nền tảng đã đạt được, lãnh đạo Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã đưa ra kế hoạch triển khai công tác chuyển đổi số của ngành theo Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Theo đó, mục tiêu của ngành là nhanh chóng hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm để có dữ liệu nguồn đầy mạnh thực hiện các tiện ích, dịch vụ công trên ứng dụng VssID, triển khai trí tuệ nhân tạo trong quản lý và phục vụ người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã hoàn thành việc cung cấp 100% dịch vụ công mức độ 4, tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Dịch vụ công của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đang được cung cấp qua dịch vụ bưu chính công ích (VNPOST); cung cấp qua IVAN; dịch vụ công thanh toán cung cấp qua các Ngân hàng (đã có 5 dịch vụ công của Ngành đã được cung cấp trên ứng dụng VssID).

Về kế hoạch triển khai trong thời gian tới, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam xác định, nâng cao công tác phục vụ, hỗ trợ người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ngày càng tốt hơn qua việc chuyển đổi số với các mục tiêu. Cụ thể: tiếp tục tái cấu trúc lại thủ tục hành chính và dịch vụ công phù hợp với xu thế chuyển đổi số và tình hình cơ sở dữ liệu của ngành; triển khai 100% dịch vụ công trên ứng dụng VssID; tối ưu hóa trải nghiệm người dùng trên ứng dụng và Cổng dịch vụ công của Ngành; số hoá đầy đủ kết quả giải quyết thủ tục hành

chính; tiếp tục mở rộng danh mục dữ liệu mở để phát triển Chính phủ số; tiếp tục hoàn thiện Cổng dịch vụ công theo kiến trúc Chính phủ điện tử mới; nghiên cứu mở tổng đài tư vấn, hỗ trợ 24/7; nâng cấp, mở rộng khả năng chỉ đạo, điều hành; tiếp tục nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích, xử lý dữ liệu; triển khai hệ thống quản lý rủi ro của Ngành...

Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam Nguyễn Thế Mạnh đánh giá, cơ sở dữ liệu của ngành ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, sẵn sàng liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia và các Bộ, ngành, địa phương. Các phần mềm, ứng dụng của Ngành không ngừng được nâng cấp, cải tiến, kết nối, liên thông, mang lại nhiều lợi ích cho người tham gia, thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

“Tuy nhiên, nếu chủ quan, không bước tiếp, bước nhanh, ngành sẽ tụt lùi, nhất là trong xu thế, yêu cầu chuyển đổi số mạnh mẽ của các Bộ, ngành và toàn xã hội hiện nay”, ông Nguyễn Thế Mạnh lưu ý.

Để thực hiện tốt công tác chuyển đổi số, lãnh đạo Bảo hiểm Xã hội Việt Nam yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam: Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, bổ sung, cụ thể hoá nhiệm vụ của từng đơn vị trong công tác chuyển đổi số của ngành để góp ý cụ thể hơn vào kế hoạch; các dự án công nghệ thông tin cần nhanh chóng hoàn thiện, xử lý dứt điểm các tồn tại bởi trong chuyển đổi số nền tảng cơ sở hạ tầng kỹ thuật là vô cùng quan trọng, để duy trì sự ổn định, thông suốt. Bên cạnh đó, cũng cần đặc biệt quan tâm đến việc bảo mật, an toàn thông tin khi cơ sở dữ liệu của ngành ngày càng lớn và có tính thiết yếu với mỗi người dân, người lao động.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## **BỘ NỘI VỤ: HƯỚNG DẪN**

# **BẦU NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CHUYÊN MÔN**

# **GIỮ CHỨC DANH ỦY VIÊN ỦY BAN NHÂN DÂN**

## **CẤP TỈNH, HUYỆN**

Bộ Nội vụ ban hành Công văn số 3308/BNV-CQĐP hướng dẫn bầu người đứng đầu cơ quan chuyên môn giữ chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bộ Nội vụ cho biết đã nhận được ý kiến của một số địa phương và ý kiến của Ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ nhiệm người giữ chức danh Ủy viên UBND vào giữ chức vụ người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Về việc này, Bộ Nội vụ cho biết, theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức thì người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện bổ nhiệm có thời hạn; đồng thời, theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Văn bản số 883/HD-UBTVQH14 ngày 02/6/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số nội dung về việc tổ chức kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 thì phải là người đang giữ chức danh đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện mới được Chủ tịch Ủy ban nhân dân giới thiệu để Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân.

Theo đó, trường hợp nhân sự giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 đang là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, nếu trúng cử chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân không phải ra quyết định bổ nhiệm lại người đó vào giữ chức vụ người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Đối với trường hợp chuẩn bị nhân sự mới hoặc khuyết người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thì trên cơ sở cấp có thẩm quyền chuẩn bị nhân sự mới bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan chuyên môn trước khi giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các trường hợp nêu trên nếu không trúng cử chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân thì vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cho đến khi có nhân sự mới thay thế; đồng thời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp đề nghị cấp có thẩm quyền chuẩn bị nhân sự mới thay thế bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình theo quy định. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định bổ nhiệm người đứng đầu cơ

quan chuyên môn và giới thiệu đề Hội đồng nhân dân bầu Ủy viên Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Các trường hợp khác phát sinh trong quá trình thực hiện, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phản ánh cụ thể (kèm theo phương án giải quyết) gửi về Bộ Nội vụ để xem xét, trả lời bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Thủ tướng Chính phủ quyết định:

#### Thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ:

Thiếu tướng Lê Quốc Hùng, Thứ trưởng Bộ Công an là thành viên Ban Chỉ đạo thay Thượng tướng Lê Quý Vương.

Ông Phạm Quang Hiệu, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao thay ông Lê Hoài Trung đã được Trung ương phân công nhiệm vụ mới.

Ông Phùng Đức Tiến, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thay ông Hà Công Tuấn nghỉ hưu theo chế độ.

#### Phê chuẩn chức danh lãnh đạo UBND các tỉnh, thành phố:

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Thành Phong, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông/bà: Lê Hòa Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Dương Anh Đức, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Phan Thị Thắng, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Võ Văn Hoan, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Ngô Minh Châu, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Văn Tùng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Lê Anh Quân, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng nhiệm kỳ 2016 - 2021; Lê Khắc Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Đức Thọ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Trung Chinh, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng nhiệm kỳ 2016 - 2021.



Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Hồ Kỳ Minh, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Lê Quang Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Quốc Văn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Đặng Ngọc Quỳnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2016 - 2021; Nguyễn Hùng Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Duy Hưng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Ánh Dương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Mai Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021; Lê Ô Pích, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Phan Thế Tuấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Hồ Tiến Thiệu, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông/bà: Dương Xuân Huyền, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2016 - 2021; Lương Trọng Quỳnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Đoàn Thu Hà, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Văn Sơn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Nguyễn Thế Giang, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2016 - 2021; ông Hoàng Việt Phương, Phó Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2016 - 2021 và ông Nguyễn Mạnh Tuấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Duy Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Vũ Việt Văn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2016 - 2021; Vũ Chí Giang, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Văn Khước, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trương Quốc Huy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Nguyễn Anh Chúc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021; Trần Xuân Dưỡng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Đức Vương, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phạm Quang Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Tống Quang Thìn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021; Trần Song Tùng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Cao Sơn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Đức Trung, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Lê Hồng Vinh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2016 - 2021; Hoàng Nghĩa Hiếu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2016 - 2021; Lê Ngọc Hoa, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An

nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Bùi Đình Long, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Võ Trọng Hải, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Nguyễn Hồng Lĩnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Lê Ngọc Châu, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Đặng Ngọc Sơn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Thắng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ôn: Đoàn Ngọc Lâm, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021; Hồ An Phong, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Phan Mạnh Hùng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Quốc Nam, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Nguyễn Long Biên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhiệm kỳ 2016 - 2021; Phan Tấn Cảnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Lê Huyền, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Võ Ngọc Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông/bà: Đỗ Tiến Đông, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2016 - 2021; Nguyễn Thị Thanh Lịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2016 - 2021; Kpă Thuyên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2016 - 2021; Hồ Phước Thành, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Hồ Văn Mười, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh Đắk Nông.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông/bà: Lê Văn Chiến, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông; Tôn Thị Ngọc Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhiệm kỳ 2016 - 2021; Lê Trọng Yên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Ngọc Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông/bà: Y Ngọc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2016 - 2021; Nguyễn Ngọc Sâm, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Hữu Tháp, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Văn Hiệp, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Đặng Trí Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2016 - 2021; Phan Văn Đa, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2016 - 2021; Phạm S, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Phi Long, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Văn Thọ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Trần Văn Tuấn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ 2016 - 2021; Lê Ngọc Khánh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ



2016 - 2021 và Nguyễn Công Vinh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lâm Minh Thành, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Nguyễn Đức Chín, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021; Nguyễn Thanh Nhân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Lưu Trung, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Thanh Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Võ Đức Trọng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021; Trần Văn Chiến, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Dương Văn Thắng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Phạm Thiện Nghĩa, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Trần Trí Quang, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2016 - 2021; Huỳnh Minh Tuấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Đoàn Tấn Bửu, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Ngọc Tam, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông/bà: Nguyễn Trúc Sơn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nhiệm kỳ 2016 - 2021; Nguyễn Minh Cảnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Thị Bé Mười, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre nhiệm kỳ 2016 - 2021.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*